



Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 26: Tháng 9/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại



Tăng trưởng mạnh được duy trì trong tháng 7

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành sản xuất Việt Nam được chứng kiến vào tháng 6 đã tiếp tục vào tháng 7. Sự gia tăng đáng kể các đơn đặt hàng mới đã thúc đẩy các nhà sản xuất tăng cường sản xuất, với tốc độ tăng trưởng nhanh hơn đến mức gần kỷ lục. Tuy nhiên, sức mạnh của sự mở rộng các đơn đặt hàng mới đã khiến các doanh nghiệp sử dụng hết hàng tồn kho sản phẩm hoàn thiện ở mức cao nhất trong lịch sử, bất chấp nỗ lực tăng cường việc làm và mua đầu vào.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.1



Triển vọng Ngành Thương Mại Điện Tử Việt Nam trong năm 2024

Ngành thương mại điện tử Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng cao. Kể từ năm 2022, lạm phát gia tăng và căng thẳng địa chính trị đã làm chậm lại nền kinh tế toàn cầu, khiến nhiều ông lớn thương mại điện tử phải thu hẹp quy mô hoặc giảm bớt hoạt động. Tuy nhiên, trong khi các thị trường trưởng thành đang thu hẹp, các thị trường mới nổi như Việt Nam lại đang cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ. Theo các nhà phân tích ngành, ngành thương mại điện tử của Việt Nam tiếp tục hưởng lợi từ những động lực thị trường độc đáo của mình.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.2



Việt Nam: Hợp tác toàn cầu để thúc đẩy chuyển đổi số

Việt Nam đang tích cực theo đuổi hợp tác quốc tế để thúc đẩy chuyển đổi số và củng cố nền kinh tế của mình. Tham vọng này đã được nhấn mạnh trong các cuộc giao lưu gần đây với Lào và các cơ sở giáo dục hàng đầu toàn cầu. Chủ tịch Châu Văn Minh của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) và Bộ trưởng Bộ Công nghệ và Truyền thông Lào Boviengkham Vongdara đã đồng chủ trì cuộc họp song phương lần thứ ba để tăng cường hợp tác trong lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cuộc họp này nhằm nâng cao các dự án chung và thúc đẩy nỗ lực hợp tác giữa hai quốc gia.

Đọc thêm về nội dung báo cáo bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.3



Các nhà sản xuất hóa dầu đối mặt với tình trạng dư thừa toàn cầu

Các nhà sản xuất hóa dầu ở châu Âu và châu Á đang ở trong tình trạng sinh tồn khi sự gia tăng năng lực trong nhiều năm tại thị trường hàng đầu là Trung Quốc và chi phí năng lượng cao ở châu Âu đã làm giảm lợi nhuận trong hai năm liên tiếp, buộc các công ty phải thực hiện việc sáp nhập. Sự yếu kém của ngành này đang gây lo ngại cho ngành công nghiệp dầu toàn cầu, vốn đang kỳ vọng vào hóa dầu để duy trì lợi nhuận khi nhu cầu về nhiên liệu vận chuyển giảm trong những năm tới do chuyển đổi năng lượng.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.4

Góc nhìn Chuyên gia



Châu Á - TBD có thể vượt qua thâm hụt nhân khẩu thông qua các chính sách di cư khu vực

Khi châu Á và Thái Bình Dương chuyển từ lợi tức nhân khẩu học sang thiếu hụt, các chính sách tập trung vào di cư lao động và hợp tác khu vực là rất cần thiết. Đầu tư vào vốn con người và chính sách di cư linh hoạt có thể giải quyết các mất cân bằng lực lượng lao động, đảm bảo sự tăng trưởng và ổn định kinh tế tiếp tục trong toàn khu vực.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.1



Các nền kinh tế mới nổi Việt Nam và Ấn Độ bổ sung cho nhau như thế nào?

Các công ty Ấn Độ hiện đang tham gia vào 410 dự án đầu tư hoạt động tại Việt Nam, với tổng vốn đầu tư đạt 1,03 tỷ USD, khiến Ấn Độ trở thành nhà đầu tư lớn thứ 25 trong số 146 quốc gia và lãnh thổ tại Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam đã đầu tư vào 16 dự án tại Ấn Độ, với tổng vốn đầu tư vượt quá 14 triệu USD, không bao gồm các khoản đầu tư từ Vingroup.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.2



Việt Nam thu hút ngành công nghiệp chip với nguồn nhân lực chất lượng và chi phí hợp lý

Các công ty từ Mỹ, Đài Loan và Hàn Quốc đổ xô đến Việt Nam, bởi sự bùng nổ căng thẳng về nguồn lực. Cơn sốt chip xuất phát từ sự kết hợp của nhiều yếu tố. Một trong số đó là nhu cầu tăng vọt về kỹ sư chip giữa cơn sốt trí tuệ nhân tạo. Các sự thay đổi trong chuỗi cung ứng do căng thẳng Mỹ - Trung cũng đang thúc đẩy nhu cầu về nhân lực địa phương. Trong khi đó, sự thiếu hụt lao động nghiêm trọng ở các nền kinh tế chip truyền thống như Hàn Quốc, Đài Loan và Mỹ khiến các công ty phải tìm kiếm kỹ sư từ xa hơn.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.3



Cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt vẫn tiếp tục kéo dài mặc dù lạm phát gần đây đã giảm

Giá cả cao của hàng hóa và dịch vụ thiết yếu đã trở thành một vấn đề cấp bách đối với những người nghèo và dễ bị tổn thương ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương, mặc dù tăng trưởng kinh tế tốt và xu hướng lạm phát giảm trong năm 2024. Cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt này, kể từ khi bắt đầu chiến tranh ở Ukraine vào năm 2022, đặc biệt là đối với thực phẩm và nhiên liệu, đang làm giảm sức mua của người dân trong khu vực và làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng, điều đã nổi bật khi đại dịch COVID-19 bùng phát vào năm 2020.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.4



Lý do Indonesia và Thái Lan gia nhập OECD có thể là bước ngoặt quan trọng?

Kể từ khi được thành lập vào những năm 1960, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã liên kết với các quốc gia có thu nhập trung bình và cao chọn lọc. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, OECD đã bắt đầu các cuộc đàm phán gia nhập với Indonesia và Thái Lan, một động thái lịch sử có thể mở đường cho những quốc gia Đông Nam Á đầu tiên gia nhập khối 38 quốc gia này.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.5

Tủ sách Doanh nghiệp



Báo cáo của KPMG: Mở khóa Cơ hội Scope 3 (Góc nhìn từ các doanh nghiệp khu vực châu Á - Thái Bình Dương)

Việc đo lường và báo cáo khí thải Scope 3 gặp nhiều thách thức vì nhiều lý do, chủ yếu là vì chúng xảy ra ngoài sự kiểm soát trực tiếp của tổ chức. Bất kỳ nỗ lực nào để đo lường và công bố yêu cầu dữ liệu khí thải từ nhiều bên tham gia trong chuỗi cung ứng của công ty. Thách thức này càng trở nên nghiêm trọng hơn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương do sự phức tạp của các chuỗi cung ứng trong khu vực và vấn đề thiếu chuẩn hóa xung quanh khí thải Scope 3. Nghiên cứu này nhằm làm nổi bật tình trạng báo cáo và công bố khí thải Scope 3 ở châu Á - Thái Bình Dương bằng cách phân tích các báo cáo ESG công khai từ 338 công ty niêm yết, công bố trong giai đoạn 2022-2023.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.1, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



Báo cáo của CSIS: Một bước tiến quan trọng: Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Hoa Kỳ - Việt Nam

Vào năm 2025, quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam sẽ đánh dấu hai dịp kỷ niệm quan trọng: 50 năm kể từ khi kết thúc Chiến tranh Việt Nam và 30 năm kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Những dịp kỷ niệm này phản ánh hành trình dài của Hoa Kỳ và Việt Nam hướng tới mối quan hệ song phương vững mạnh.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.2, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
VCCI: Diễn đàn kinh tế Phương Đông lần thứ 9 tại Vladivostok - LB Nga	Thành phố Vladivostok – Liên bang Nga	03-06/09/2024	Đơn vị tổ chức: Quỹ Roscongress (Liên bang Nga)	Tai đây
KPMG Việt Nam x Ngân hàng Bangkok: Tối ưu hóa Tài chính Doanh nghiệp: Phương pháp Kỹ thuật và Thực hành hiệu quả	Văn phòng KPMG Hồ Chí Minh	11/09/2024 9:30-11:30	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG - Ông Đinh Thế Anh, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng bộ phận Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp - Ông Vương Quang Thuận, Giám đốc Dịch vụ Thương mại và Hải quan Ngôn ngữ: Tiếng Việt	Tai đây
KPMG: Khóa học OnDemand “Chuỗi chương trình về Tài chính Kế toán năm 2024”	Văn phòng KPMG Hồ Chí Minh	Tháng 09 - 11/2024	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG - Bà Dương Thị Thảo, Trưởng phòng kiểm toán cấp cao Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Ông Phạm Công Thành, Trưởng phòng kiểm toán cấp cao Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Bà Đinh Thị Tho, Trưởng phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Ông Lê Hoài Phong, Trưởng phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Ông Nghê Cát Tường, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Bà Đặng Tuyết Hà, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán Ngôn ngữ: Tiếng Việt	Tai đây
KPMG: Khóa học OnDemand “Đổi mới nhanh chóng thúc đẩy các công ty F&B vượt qua khủng hoảng”	Văn phòng KPMG Hồ Chí Minh	11/09/2024 14:00-15:00	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG - Ông Nguyễn Ngọc Hoàng, Giám đốc khối Digital Lighthouse - Bà Cynthia Maturana, Trưởng phòng Digital Innovation Ngôn ngữ: Tiếng Anh	Tai đây
KPMG: Khóa học OnDemand “Doanh thu và Thu nhập khác”	Văn phòng KPMG Hà Nội	12/09/2024 13:30-16:30	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG: - Ông Nguyễn Hữu Nam Ninh, Giám Đốc Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Báo cáo tài chính - Bà Bùi Thu Hương Ngôn ngữ: Tiếng Việt	Tai đây
KPMG Việt Nam x VSIP Bình Dương x Eximbank: “Các vấn đề pháp lý về thanh toán cho các giao dịch vốn của doanh nghiệp FDI”	Hội trường văn phòng VSIP I, số 8, Đại lộ Hữu Nghị, KCN Việt Nam - Singapore, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	19/09/2024 08:30-11:15	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG: - Bà Nguyễn Thị Hoàng Trang Ngôn ngữ: Tiếng Việt	Tai đây

KPMG: Khóa học OnDemand “Lập và trình bày báo cáo tài chính”	Văn phòng KPMG Hà Nội	19/09/2024 13:30-16:30	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG - Bà Nguyễn Thị Huyền, Trưởng phòng cấp cao Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Báo cáo tài chính - Bà Bùi Thị Thùy Trang, Trưởng phòng, Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Báo cáo tài chính	Tai đây
			Ngôn ngữ: Tiếng Việt	
VCCI: Chương trình “Khám phá cửa ngõ vùng Me Kông”	Azerai Cần Thơ Resort, Cồn Ấu, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	20/09/2024 17:30-20:30	Thành phần tham dự: Lãnh đạo và thành viên AusCham Việt Nam, đại diện các Sở/ban/ngành, hiệp hội doanh nghiệp/ngành nghề, các cơ sở giáo dục và đào tạo đại học và sau đại học tại TP. Cần Thơ và các tỉnh lân cận.	Tai đây
VCCI: Triển lãm Shanghai Fair 2024	Trung tâm SKY EXPO, Công Viên Phần Mềm Quang Trung, Đường Số 1, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM	20- 21/09/2024	Thành phần tham dự: 200 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực: nguyên liệu hóa chất mới, năng lượng mới và thiết bị cao cấp, thiết bị y tế và y sinh, đồ gia dụng, thực phẩm, dịch vụ hiện đại và sản phẩm mang thương hiệu Thượng Hải.	Tai đây
VCCI: Khóa đào tạo “Giám đốc Tài chính (CFO)”	Hội trường lầu 3, số 12 Hòa Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ	21/09/2024	Đối tượng tham gia: Ban lãnh đạo doanh nghiệp, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, chuyên viên kế toán, chuyên viên tài chính, chuyên viên phân tích đầu tư của doanh nghiệp, các cá nhân mong muốn củng cố, cập nhật và nâng cao kiến thức về tài chính.	Tai đây
VCCI: Chương trình Xúc tiến xuất khẩu vào Hoa Kỳ năm 2024	TP. Youngstown, Bang Ohio, Hoa Kỳ	28/09- 05/10/2024	Thành phần tham dự: - Các doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm cơ hội xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ - Các nhà nhập khẩu tiềm năng tại Hoa Kỳ	Tai đây

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 26: Tháng 9/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Tăng trưởng mạnh được duy trì trong tháng 7

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành sản xuất Việt Nam được chứng kiến vào tháng 6 đã tiếp tục vào tháng 7. Sự gia tăng đáng kể các đơn đặt hàng mới đã thúc đẩy các nhà sản xuất tăng cường sản xuất, với tốc độ tăng trưởng nhanh hơn đến mức gần kỷ lục. Tuy nhiên, sức mạnh của sự mở rộng các đơn đặt hàng mới đã khiến các doanh nghiệp sử dụng hết hàng tồn kho sản phẩm hoàn thiện ở mức cao nhất trong lịch sử, bất chấp nỗ lực tăng cường việc làm và mua đầu vào.

Trong khi đó, chi phí đầu vào và giá đầu ra tiếp tục tăng với tốc độ tương đối đáng kể, lạm phát chỉ giảm nhẹ so với tháng 6. Chỉ số Nhà quản lý mua hàng sản xuất Việt Nam S&P Global (PMI) không thay đổi ở mức 54,7 vào tháng 7, cho thấy sự tăng cường đáng kể hơn nữa của điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất Việt Nam. Trên thực tế, lần cuối cùng mà sự tăng trưởng nhanh hơn là vào tháng 11 năm 2018.

Những cải tiến rõ rệt đã được nhìn thấy ở người tiêu dùng, danh mục hàng hóa trung gian và đầu tư. Các đơn đặt hàng mới đã tăng trong tháng thứ tư liên tiếp vào tháng 7, với tốc độ mở rộng chỉ chậm hơn một chút so với mức gần kỷ lục được ghi nhận vào tháng 6. Ở những nơi mà kinh doanh mới tăng, các thành viên hội đồng đã liên kết điều này với nhu cầu thị trường mạnh mẽ hơn và sự gia tăng số lượng khách hàng. Đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng, mặc dù với tốc độ chậm hơn nhiều so với tổng kinh doanh mới. Một số công ty báo cáo rằng nhu cầu xuất khẩu đã bị cản trở bởi chi phí vận chuyển cao.

Với sự tăng mạnh của các đơn đặt hàng mới, các nhà sản xuất đã tăng cường sản xuất vào tháng 7. Hơn nữa, tốc độ mở rộng sản lượng đã nhanh hơn so với tháng 6 và là lần thứ hai nhanh nhất trong lịch sử, chỉ sau tháng đầu tiên thu thập dữ liệu vào tháng 3 năm 2011.

Mặc dù sản lượng tăng mạnh, các công ty cần phải sử dụng các kho dự trữ hiện có để đáp ứng nhu cầu đơn hàng mới. Thực tế, kho hàng thành phẩm đã bị giảm xuống mức thấp thứ hai theo ghi nhận, chỉ sau mức giảm được thấy vào tháng Hai năm 2014. Các công ty đã nỗ lực mở rộng công suất bằng cách tăng cường hoạt động mua sắm và tuyển dụng vào đầu quý ba. Hoạt động mua nguyên liệu đã tăng đáng kể, với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng Năm năm 2022. Ngược lại, số lượng nhân viên chỉ tăng khiêm tốn và với tốc độ chậm hơn so với tháng Sáu. Trong khi đó, khối lượng công việc tồn đọng đã tích lũy trong tháng thứ hai liên tiếp.

Các nhà sản xuất được hỗ trợ trong việc đảm bảo nguyên liệu nhờ vào việc thời gian giao hàng của nhà cung cấp rút ngắn trong tháng thứ hai liên tiếp, mặc dù mức độ cải thiện trong hiệu suất của nhà cung cấp chỉ là một phần nhỏ do có một số báo cáo về sự chậm trễ trong vận chuyển đường biển. Kho hàng mua vào đã giảm trong tháng thứ mười một liên tiếp, với tốc độ giảm mạnh nhất kể từ tháng Tư.

Chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh trong tháng Bảy, với tốc độ lạm phát chỉ yếu hơn một chút so với mức cao nhất trong hai năm được thấy vào tháng Sáu. Các nhà cung cấp được cho là đã nâng giá, trong khi chi phí vận chuyển gia tăng cũng là một yếu tố. Chi phí nguyên liệu thô và vận chuyển tăng đã khiến các nhà sản xuất tăng giá bán của chính họ trong tháng Bảy, đánh dấu tháng thứ ba liên tiếp. Tỷ lệ lạm phát là vững chắc, dù nhẹ hơn so với thời kỳ khảo sát trước đó.

Những kỳ vọng rằng đơn hàng mới sẽ tiếp tục tăng trong năm tới đã hỗ trợ niềm tin vào triển vọng sản xuất. Khoảng 40% người được hỏi bày tỏ sự lạc quan, nhưng tâm lý đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng Một và yếu hơn so với mức trung bình của chuỗi khảo sát.

PHỤ LỤC 1.2 Triển vọng Ngành Thương Mại Điện Tử Việt Nam trong năm 2024

Ngành thương mại điện tử Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng cao. Kể từ năm 2022, lạm phát gia tăng và căng thẳng địa chính trị đã làm chậm lại nền kinh tế toàn cầu, khiến nhiều ông lớn thương mại điện tử phải thu hẹp quy mô hoặc giảm bớt hoạt động. Tuy nhiên, trong khi các thị trường trưởng thành đang thu hẹp, các thị trường mới nổi như Việt Nam lại đang cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ. Theo các nhà phân tích ngành, ngành thương mại điện tử của Việt Nam tiếp tục hưởng lợi từ những động lực thị trường độc đáo của mình.

Vào năm 2024, ngành thương mại điện tử Việt Nam vẫn duy trì sự sôi động, được thúc đẩy bởi nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng và việc áp dụng công nghệ số nhanh chóng. Mặc dù doanh thu toàn cầu giảm trong năm 2022, thị trường thương mại điện tử của Việt Nam chỉ chứng kiến sự tăng trưởng chậm lại thay vì suy giảm toàn diện. Bộ Công Thương dự báo ngành này sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, mặc dù với tốc độ vừa phải hơn, đạt mức tăng trưởng 9% vào năm 2025.

Nhìn về phía trước, doanh thu thương mại điện tử toàn cầu dự kiến sẽ phục hồi, với Statista dự báo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm (CAGR) là 9,49% từ năm 2024 đến 2029. Việt Nam dự kiến sẽ hưởng lợi từ sự phục hồi toàn cầu này, với thị trường được kỳ vọng sẽ đạt giá trị 32 tỷ USD vào năm 2025. Các nhà đầu tư lớn như Alibaba và SBI Holdings đã đặt cược vào sự tăng trưởng này bằng cách đầu tư mạnh mẽ vào các nền tảng thương mại điện tử hàng đầu của Việt Nam.

Việt Nam vượt qua Philippines trở thành thị trường thương mại điện tử lớn thứ ba ở Đông Nam Á. Việt Nam và Thái Lan đã trở thành những thị trường thương mại điện tử phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á, với Việt Nam vượt qua Philippines trở thành thị trường lớn thứ ba trong khu vực.

Tám nền tảng thương mại điện tử hàng đầu ở Đông Nam Á đạt giá trị tổng khối lượng hàng hóa (GMV) là 114,6 tỷ USD trong năm 2023, tăng 15% so với năm trước. Giá trị tổng khối lượng hàng hóa (GMV) của Việt Nam tăng trưởng 52,9%, mức tăng trưởng cao nhất toàn cầu.

Indonesia vẫn là thị trường thương mại điện tử lớn nhất trong ASEAN, đóng góp 46,9% GMV của khu vực. Shopee dẫn đầu thị trường với GMV đạt 55,1 tỷ USD, trong khi TikTok Shop nổi lên như là nền tảng lớn thứ hai ở Đông Nam Á và chiếm 24% thị phần tại Việt Nam.

Những yếu tố chính thúc đẩy ngành bao gồm việc sử dụng hiệu quả các nhân vật ảnh hưởng (KOLs) trong thương mại điện tử, việc áp dụng trí tuệ nhân tạo để cải thiện trải nghiệm người dùng, và hiệu quả hoạt động. Trong suốt đại dịch, chi tiêu của người tiêu dùng tại Việt Nam đã chuyển hướng sang các sản phẩm thực phẩm và chăm sóc cá nhân, với hàng tiêu dùng trở thành danh mục thương mại điện tử lớn nhất vào năm 2022. Xu hướng này vẫn tiếp tục, cho thấy sự tăng trưởng bền vững trong mua sắm trực tuyến thực phẩm và ngành thương mại điện tử rộng lớn hơn.

Xu hướng chi tiêu của người tiêu dùng Việt Nam trên các trang thương mại điện tử

Một báo cáo của TTXVN trích dẫn công ty phân tích thị trường Metric nêu bật sự tăng trưởng đáng kể và tiềm năng của thị trường thương mại điện tử Việt Nam trong nửa đầu năm 2024:

- Người tiêu dùng Việt Nam đã chi 143,9 triệu tỷ đồng (5,68 tỷ USD) trên các nền tảng thương mại điện tử trong nửa đầu năm.
- Mức chi tiêu này đại diện cho sự tăng trưởng 54,91% về giá trị và 65,55% về số lượng mặt hàng mua so với cùng kỳ năm trước.
- TikTok Shop và Shopee là những yếu tố chính thúc đẩy sự tăng trưởng này, với doanh thu tăng 150,54% và 65,96%, tương ứng.
- Sự tăng trưởng mạnh mẽ nêu bật sức mạnh của thị trường thương mại điện tử Việt Nam và khả năng của người bán trong việc tận dụng xu hướng mua sắm trực tuyến.
- Thị trường thương mại điện tử Việt Nam đã chứng kiến mức tăng trưởng hàng năm trung bình từ 16-30% trong bốn năm qua, mức cao nhất ở Đông Nam Á.

Người tiêu dùng kỹ thuật số của Việt Nam: Một lực lượng thúc đẩy thương mại điện tử

Ngành thương mại điện tử của Việt Nam được thúc đẩy bởi một dân số trẻ và am hiểu công nghệ. Tính đến năm 2024, khoảng 57 triệu người Việt Nam mua sắm trực tuyến, trong đó 43% là thuộc thế hệ Gen Z. Những người tiêu dùng kỹ thuật số này đang mở rộng ranh giới của mua sắm trực tuyến, với các nền tảng như Shopee, Lazada, Tiki và TikTok Shop dẫn đầu.

Sự gia tăng của thương mại xã hội, đặc biệt là trên các nền tảng như TikTok, cũng đang định hình lại cảnh quan thương mại điện tử. Vào năm 2024, TikTok Shop đã chiếm 23,2% thị phần thương mại điện tử của Việt Nam, nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của mạng xã hội trong việc thúc đẩy doanh số bán hàng trực tuyến.

Thương mại điện tử vượt mặt bán lẻ truyền thống

Sự đô thị hóa nhanh chóng của Việt Nam và sự phổ biến ngày càng tăng của mua sắm trực tuyến đang làm giảm vai trò của bán lẻ truyền thống. Sự tiện lợi và hiệu quả về chi phí của thương mại điện tử đang khiến các trung tâm thương mại lớn và cửa hàng bán lẻ trở nên ít liên quan hơn. Đến năm 2025, thị trường thương mại điện tử của Việt Nam có thể cạnh tranh với bán lẻ truyền thống, một xu hướng không rõ ràng ở các nơi khác trên thế giới.

Các nền tảng thương mại điện tử hàng đầu tại Việt Nam

Năm 2024, Shopee tiếp tục thống trị thị trường thương mại điện tử Việt Nam, chiếm 67,9% thị phần theo giá trị hàng hóa thô (GMV). TikTok Shop, mặc dù là một người chơi tương đối mới, đã nhanh chóng chiếm được thị phần đáng kể.

Các nền tảng khác như Lazada và Tiki đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn, với thị phần của họ thu hẹp trước sự tăng trưởng nhanh chóng của TikTok. Tuy nhiên, bối cảnh thương mại điện tử của Việt Nam vẫn năng động, với cơ hội cho những người mới tham gia và những người chơi hiện có để đổi mới và chiếm thị phần.

Thách thức và cơ hội

Mặc dù ngành thương mại điện tử của Việt Nam đang phát triển, nhưng nó phải đối mặt với một số thách thức:

- Cạnh tranh khốc liệt:** Sự gia nhập của các nền tảng mới và cạnh tranh khốc liệt giữa các đối thủ hiện có đã dẫn đến một cuộc đua "đốt tiền" trên thị trường.
- Rào cản pháp lý:** Quy định thương mại điện tử của Việt Nam vẫn đang phát triển, tạo ra thách thức cho các doanh nghiệp và rủi ro tiềm ẩn cho người tiêu dùng.
- Thói quen của người tiêu dùng:** Mặc dù người tiêu dùng trẻ tuổi đang thúc đẩy tăng trưởng, nhưng người tiêu dùng trung niên và cao tuổi lại ít thoải mái với việc mua sắm trực tuyến, hạn chế phạm vi tiếp cận thị trường.
- Tài nguyên nhân lực:** Ngành này thiếu các chuyên gia có kỹ năng với chuyên môn cần thiết để cạnh tranh trên toàn cầu.
- Hạ tầng và cơ sở hạ tầng:** Cơ sở hạ tầng hậu cần và kho hàng của Việt Nam vẫn đang phát triển, vừa là thách thức vừa là cơ hội cho các nhà đầu tư sớm. Điều này tràn sang các thách thức mà người bán phải đối mặt với dịch vụ giao hàng bưu kiện.

Tương lai của thị trường thương mại điện tử Việt Nam

Mặc dù bất ổn kinh tế toàn cầu, nhưng ngành thương mại điện tử của Việt Nam vẫn nằm trong vị trí thuận lợi để tiếp tục tăng trưởng. Với dân số trẻ, thu nhập khả dụng tăng và tầng lớp trung lưu đang mở rộng nhanh chóng, Việt Nam vẫn là một điểm đến hấp dẫn cho đầu tư thương mại điện tử. Khi các thị trường thương mại điện tử toàn cầu phục hồi, Việt Nam có khả năng nổi lên như một người chơi chính trong khu vực, cung cấp cơ hội đáng kể cho các doanh nghiệp có thể điều hướng động lực thị trường độc đáo của nó.

PHỤ LỤC 1.3 Việt Nam: Hợp tác toàn cầu để thúc đẩy chuyển đổi số

Việt Nam đang tích cực theo đuổi hợp tác quốc tế để thúc đẩy chuyển đổi số và củng cố nền kinh tế của mình. Tham vọng này đã được nhấn mạnh trong các cuộc giao lưu gần đây với Lào và các cơ sở giáo dục hàng đầu toàn cầu. Chủ tịch Châu Văn Minh của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) và Bộ trưởng Bộ Công nghệ và Truyền thông Lào Boviengkham Vongdara đã đồng chủ trì cuộc họp song phương lần thứ ba để tăng cường hợp tác trong lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cuộc họp này nhằm nâng cao các dự án chung và thúc đẩy nỗ lực hợp tác giữa hai quốc gia.

Hai bên đã xem xét tiến độ của các sáng kiến quan trọng như việc xây dựng trung tâm dữ liệu và truyền thông cho quản lý thiên tai ở Lào và thiết lập trung tâm quốc gia về lưu trữ dữ liệu và điện toán đám mây tại Lào. Các dự án này được đề xuất lần đầu tiên trong phiên họp thứ 46 của Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Lào về Hợp tác song phương vào năm 2024.

Viện Vật lý địa cầu thuộc VAST, cơ quan quản lý hệ thống cảnh báo động đất và sóng thần quốc gia, và Viện Nghiên cứu Công nghệ Thông minh (ARIST) của Bộ Công nghệ và Truyền thông Lào đã khởi động việc thành lập phòng thí nghiệm chung về dữ liệu và truyền thông động đất. Sự hợp tác này bao gồm việc cung cấp thiết bị cơ bản và đào tạo cho nhân viên ARIST về phân tích dữ liệu.

Mối quan hệ đối tác được củng cố thêm bằng việc ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Viện Công nghệ Thông tin của VAST và ARIST. Thỏa thuận này nhấn mạnh sự hợp tác liên tục trong phát triển nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm công nghệ số.

Cuộc họp cũng chứng kiến Bộ trưởng Boviengkham Vongdara được trao tặng học hàm Giáo sư danh dự từ VAST vì những đóng góp của ông trong việc thúc đẩy hợp tác khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và Lào.

Song song với đó, Việt Nam đang tích cực hợp tác với các cơ sở giáo dục quốc tế để thúc đẩy ngành công nghệ bán dẫn. Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia (NIC) tại Hà Nội đã tiếp đón các đoàn từ Đại học Hiroshima của Nhật Bản và Đại học Idaho của Hoa Kỳ để thảo luận về các chương trình đào tạo bán dẫn chung và cơ hội học bổng cho sinh viên Việt Nam. Những cuộc thảo luận này là một phần của nỗ lực rộng lớn hơn nhằm xây dựng lực lượng lao động có kỹ năng, đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp bán dẫn tiên tiến.

Chương trình đề xuất bao gồm một chương trình đào tạo đại học độc đáo, trong đó sinh viên sẽ học hai năm đầu tại Đại học Hiroshima, nổi tiếng với nghiên cứu và giáo dục bán dẫn, và hai năm cuối tại Đại học Idaho, trường có thứ hạng cao trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật ở các trường đại học công lập của Hoa Kỳ. Sự hợp tác này được hỗ trợ bởi Micron Technology, một nhà sản xuất bán dẫn lớn có nhà máy tại Hiroshima.

Chương trình này nhằm cung cấp cho sinh viên nền tảng giáo dục và đào tạo toàn diện, chuẩn bị cho họ những cơ hội nghề nghiệp đáng kể trong ngành công nghiệp bán dẫn tại Nhật Bản, Hoa Kỳ và Việt Nam. Chương trình dự kiến sẽ bắt đầu vào tháng 10 năm 2026, tùy thuộc vào sự phê duyệt của các cơ quan Nhật Bản. Đại học Hiroshima hy vọng Việt Nam sẽ hỗ trợ học bổng cho 100-150 sinh viên, có thể giúp thúc đẩy ngày bắt đầu của chương trình.

Giám đốc Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia (NIC) Vũ Quốc Huy đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác với các trường đại học hàng đầu quốc tế để thiết lập các chương trình đào tạo bán dẫn dài hạn. Hiện tại, NIC cung cấp các khóa học bán dẫn ngắn hạn và nhận thấy cần có sự hợp tác sâu rộng hơn để đạt được các mục tiêu của Việt Nam đến năm 2030.

Các mục tiêu này bao gồm việc tăng cường tham gia vào thiết kế vi mạch tiên tiến, làm chủ các công nghệ đóng gói và kiểm tra vi mạch, và nâng cao chuyên môn trong sản xuất bán dẫn.

OpenGov Asia đưa tin rằng Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam, Nguyễn Mạnh Hùng, đã thăm Hàn Quốc để củng cố quan hệ trong chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI). Chuyến thăm bao gồm các cuộc thảo luận về đổi mới số, đào tạo bán dẫn và nghiên cứu AI, cũng như tham gia vào Diễn đàn Chuyển đổi số Việt Nam-Hàn Quốc. Một cuộc khảo sát đã chỉ ra tiềm năng hợp tác kinh tế mạnh mẽ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và bán dẫn, với cả hai quốc gia tìm kiếm thêm các ưu đãi đầu tư và cơ hội hợp tác. Cách tiếp cận chủ động của Việt Nam trong việc tìm kiếm hợp tác quốc tế nhấn mạnh cam kết của nước này trong việc thúc đẩy chuyển đổi số và củng cố nền kinh tế. Bằng cách thiết lập quan hệ đối tác với Lào và các cơ sở giáo dục hàng đầu toàn cầu, Việt Nam đang định vị mình là một nhân tố quan trọng trong việc phát triển công nghệ và tăng trưởng kinh tế.

PHỤ LỤC 1.4

Các nhà sản xuất hóa dầu đối mặt với tình trạng dư thừa toàn cầu

Các nhà sản xuất hóa dầu ở châu Âu và châu Á đang ở trong tình trạng sinh tồn khi sự gia tăng năng lực trong nhiều năm tại thị trường hàng đầu là Trung Quốc và chi phí năng lượng cao ở châu Âu đã làm giảm lợi nhuận trong hai năm liên tiếp, buộc các công ty phải thực hiện việc sáp nhập. Sự yếu kém của ngành này đang gây lo ngại cho ngành công nghiệp dầu toàn cầu, vốn đang kỳ vọng vào hóa dầu để duy trì lợi nhuận khi nhu cầu về nhiên liệu vận chuyển giảm trong những năm tới do chuyển đổi năng lượng.

Các nhà sản xuất lớn ở châu Á và châu Âu đang bán tài sản, đóng cửa các nhà máy cũ, và cải tạo các cơ sở để sử dụng nguyên liệu thô rẻ hơn như ethane thay vì naphtha để cắt giảm chi phí, theo các giám đốc điều hành và nhà phân tích trong ngành.

Các nhà sản xuất sẽ cần phải tiếp tục hợp nhất công suất ethylene và propylene vì tình trạng cung vượt cầu dự kiến sẽ kéo dài trong nhiều năm với các nhà máy mới vẫn tiếp tục đi vào hoạt động ở Trung Đông và Trung Quốc, ngay cả khi nền kinh tế Trung Quốc đang chững lại. Ethylene và propylene, được sản xuất từ các sản phẩm dầu mỏ, là nguyên liệu cơ bản để chế tạo nhựa, hóa chất công nghiệp và dược phẩm được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày.

Tư vấn Wood Mackenzie ước tính khoảng 24% công suất hóa dầu toàn cầu có nguy cơ bị đóng cửa vĩnh viễn trước năm 2028 do lợi nhuận yếu kém. "Chúng tôi dự đoán quá trình hợp lý hóa ở châu Âu và châu Á sẽ tiếp tục trong chu kỳ này," ông Eren Cetinkaya, Phó tổng giám đốc tại McKinsey & Company cho biết. Ông dự báo đợt suy thoái hiện tại sẽ kéo dài hơn mức trung bình từ năm đến bảy năm do sự gia tăng công suất kéo dài, đặc biệt là ở Trung Quốc.

Các nhà sản xuất ở châu Á đối mặt với triển vọng khó khăn nhất, khi tình trạng cung vượt cầu có khả năng tiếp tục kéo dài vì một số công ty khó có thể cắt giảm sản lượng tại các đơn vị và nhà máy mới được tích hợp với các hoạt động rộng lớn hơn. "Từ năm 2022, một loạt các yếu tố đã làm cho môi trường kinh doanh trở nên khó khăn hơn – bao gồm nhu cầu nội địa giảm, cũng như tình trạng cung vượt cầu nghiêm trọng do các cơ sở sản xuất mới được triển khai ở Trung Quốc và các khu vực khác của châu Á," Mitsui Chemicals cho biết trong một tuyên bố vào tháng 4.

Theo tư vấn Wood Mackenzie, lợi nhuận sản xuất propylene ở châu Á dự kiến sẽ chuyển sang trạng thái lỗ trong năm nay, với mức lỗ dự kiến trung bình khoảng 20 USD mỗi tấn. Tại châu Âu, lợi nhuận dự kiến sẽ tăng nhẹ từ năm ngoái lên gần 300 USD mỗi tấn vào năm 2024, nhưng vẫn thấp hơn 30% so với hai năm trước. Ngược lại, lợi nhuận propylene ở Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng 25% lên khoảng 450 USD mỗi tấn vào năm 2024. Các nhà sản xuất ở Hoa Kỳ được bảo vệ khỏi tình trạng giảm lợi nhuận nhờ nguồn cung nguyên liệu thô nội địa dồi dào từ các khí tự nhiên rẻ hơn, như ethane, theo phân tích của Kai Sen Chong từ Wood Mackenzie.

Các nhà sản xuất Châu Á tìm kiếm thị trường mới

Tại châu Á, Formosa Petrochemical của Đài Loan đã đóng cửa hai trong ba nhà máy cracker naphtha của mình trong một năm, trong khi PRefChem của Malaysia, một liên doanh giữa Petronas và Saudi Aramco, đã giữ cho nhà máy cracker của mình đóng cửa từ đầu năm nay. Tuy nhiên, các nhà sản xuất ở Hàn Quốc và Malaysia vẫn duy trì tỷ lệ hoạt động cao bất chấp việc thua lỗ, vì các nhà máy của họ được tích hợp với các nhà máy lọc dầu. Điều này khiến họ không thể đóng cửa hoặc bán các đơn vị hóa dầu thua lỗ mà không ảnh hưởng đến sản lượng của các sản phẩm khác, theo các nguồn tin trong ngành.

"Danh mục đầu tư của hầu hết các công ty đều được tích hợp và cân bằng. Nếu bạn muốn hợp nhất chúng, bạn phải hoặc làm mất đi điểm mạnh của một công ty hoặc loại bỏ điểm mạnh của công ty còn lại," một quan chức tại một nhà máy lọc dầu tích hợp nhà nước lớn của Hàn Quốc cho biết. "Nhưng tôi không nghĩ rằng các công ty Hàn Quốc sẽ dễ dàng thực hiện điều đó mà không có lợi ích rõ ràng," quan chức này nói thêm, và yêu cầu giấu tên.

Khi sản xuất và xuất khẩu từ Trung Đông, Trung Quốc và Hoa Kỳ gia tăng, các công ty đang khám phá các thị trường tăng trưởng như Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam để bán lượng cung dư thừa của họ. Sự bổ sung công suất ít hơn và nhu cầu ngày càng tăng đối với polymer và hóa chất sẽ khiến Ấn Độ trở thành một thị trường hấp dẫn nhất toàn cầu, ông Navanit Narayan, giám đốc điều hành của Haldia Petrochemicals ở Ấn Độ, cho biết với Reuters.

Ngoài việc tìm kiếm các đầu ra mới, các nhà sản xuất hóa dầu Nhật Bản và Hàn Quốc đang khám phá các dự án gạch để tăng cường lợi nhuận bằng cách sản xuất nhựa carbon thấp và có thể tái chế, điều này có thể giúp họ có được giá cao hơn khi nhu cầu về các sản phẩm xanh tăng lên.

Tập đoàn Mitsubishi đang hợp tác với Neste của Phần Lan để phát triển hóa chất và nhựa tái tạo. Sumitomo Chemical muốn sản xuất các sản phẩm sử dụng công nghệ tái chế polymethyl methacrylate để chế tạo nhựa có ít carbon hơn so với các sản phẩm truyền thống.

Sự hợp nhất tại Châu Âu đang tang tặc

Việc hợp nhất đang diễn ra tại châu Âu, nơi Saudi Arabian Basic Industries Corp (SABIC) và Exxon Mobil Corp đã công bố kế hoạch đóng cửa vĩnh viễn một số nhà máy do chi phí cao. SABIC cũng đang cải tạo các cơ sở ở châu Âu và Vương quốc Anh để xử lý nhiều ethane hơn, một nguyên liệu rẻ hơn naphta, theo ông Olivier Gerard Thorel, phó chủ tịch điều hành của SABIC phụ trách hóa chất, đã cho Reuters biết vào tháng 5. Ethane, có giá liên quan đến khí tự nhiên, thường rẻ hơn naphta sản xuất từ dầu mỏ. SABIC sở hữu các nhà máy cracker linh hoạt có thể sử dụng naphta, ethane và khí hóa lỏng (LPG) làm nguyên liệu.

Ông Chong từ WoodMac cho biết sự chuyển dịch này chủ yếu do chi phí năng lượng và sản xuất cao cũng như nhu cầu yếu ở khu vực này trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế kém trong những năm qua. Gã khổng lồ LyondellBasell có trụ sở tại Houston đã bán doanh nghiệp ethylene oxide và các sản phẩm phụ của nó ở Hoa Kỳ vào tháng 5. Tại châu Âu, công ty cho biết đang xem xét tất cả các lựa chọn khi được hỏi liệu công ty có kế hoạch rút khỏi ngành hóa dầu trong thời gian tới hay không. "Các điều kiện thị trường ở châu Âu dự kiến sẽ gặp khó khăn trong dài hạn," - phát ngôn viên của công ty cho biết.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1

Châu Á - Thái Bình Dương có thể vượt qua thâm hụt nhân khẩu thông qua các chính sách di cư khu vực

Khi châu Á và Thái Bình Dương chuyển từ lợi tức nhân khẩu học sang thiếu hụt, các chính sách tập trung vào di cư lao động và hợp tác khu vực là rất cần thiết. Đầu tư vào vốn con người và chính sách di cư linh hoạt có thể giải quyết các mất cân bằng lực lượng lao động, đảm bảo sự tăng trưởng và ổn định kinh tế tiếp tục trong toàn khu vực.

Phần lớn các quốc gia ở châu Á và Thái Bình Dương đã trở nên giàu có hơn trong 50 năm qua nhờ đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng trong thời kỳ 'lợi tức nhân khẩu học,' khi dân số trong độ tuổi lao động tăng cả về số lượng tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng dân số. Các chính phủ trong khu vực tập trung vào việc đầu tư vào các địa điểm: xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng và viễn thông cùng với các ngành công nghiệp nhằm tạo ra việc làm cho nhiều công dân của họ và nâng cao năng suất.

Tuy nhiên, khi lợi tức nhân khẩu học chuyển thành thiếu hụt, một chiến lược mới là cần thiết, một chiến lược đầu tư chủ yếu vào con người hơn là địa điểm, và đặc biệt, một chiến lược ưu tiên di động lao động cao hơn trong khu vực. Các quốc gia châu Á đã vượt qua 'đỉnh lợi tức,' theo dữ liệu của Liên Hợp Quốc: tỷ lệ dân số trong độ tuổi từ 20 đến 64 đã bắt đầu giảm. Ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động đạt 66% vào năm 2012, nhưng đã giảm xuống còn 63% trong năm nay, và dự kiến sẽ giảm còn 50% vào năm 2060. Thái Lan đạt đỉnh gần 65% vào năm 2018, Việt Nam ở mức 62% vào năm 2016. Có lẽ nghiêm trọng hơn đối với kết quả tăng trưởng, số lượng tuyệt đối người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ giảm ở một số quốc gia. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có 917 triệu người trong độ tuổi từ 20-64 vào năm 2016. Con số này đã giảm xuống còn 901 triệu vào năm 2024 và dự báo sẽ còn 704 triệu vào năm 2050 – giảm từ đỉnh hơn 200 triệu lao động tiềm năng. Dân số trong độ tuổi lao động của Thái Lan dự kiến sẽ giảm 22% từ năm 2020 đến năm 2050. Singapore sẽ đạt đỉnh dân số trong độ tuổi lao động vào năm 2028; Hàn Quốc đã đạt đỉnh vào năm 2019, Nhật Bản vào năm 1998.

Dựa trên những động thái này, các chính sách ngắn hạn và trung hạn nhằm thúc đẩy tăng trưởng đang va chạm với thực tế tài chính. Chương trình cơ sở hạ tầng của khu vực có giá trị, cả trong việc nâng cao năng suất tổng thể và trong việc giải quyết các vấn đề giảm thiểu khí hậu và khả năng phục hồi. Nhưng chương trình này chủ yếu được tài trợ từ ngân sách công vào thời điểm các chính phủ đang phải đối mặt với chi phí vay mượn cao hơn, nhu cầu chi tiêu xã hội ngày càng tăng liên quan đến dân số già ngày càng lớn, và tăng trưởng hạn chế trong nguồn thu thuế.

Nhiều quốc gia đang phát triển ở châu Á và Thái Bình Dương sẽ không trở nên giàu có trước khi họ già đi, cho thấy điều kiện khó khăn cho tiến trình phát triển. Như các quan chức ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có thể chứng minh, mức độ giàu có cao hơn không phải là phương thuốc cho những thách thức của các xã hội đang già đi, và một chương trình chính sách tập trung hoàn toàn vào việc thúc đẩy tăng trưởng hiện tại để đảm bảo tương lai có thể sẽ thất bại. Thay vào đó, một khu vực đang già hóa sẽ cần phải đối mặt với một tập hợp các thách thức phức tạp hơn và tập trung vào một loạt các phản ứng chính sách thích ứng, vượt xa nỗ lực củng cố chăm sóc người cao tuổi. Một phản ứng tham vọng hơn bắt đầu bằng việc tận dụng tối đa tiềm năng của lực lượng lao động mà các quốc gia vẫn còn có. Ví dụ, tăng cường tham gia lực lượng lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ, không chỉ thông qua hỗ trợ chăm sóc trẻ em. Và giúp xây dựng vốn con người bằng cách đảm bảo rằng tất cả học sinh tài năng đều có cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, bất kể hoàn cảnh xã hội và kinh tế của họ. Nhưng điều đó còn vượt xa hơn, bao gồm sự hợp tác khu vực rộng lớn hơn. Một cách tiếp cận khu vực sẽ công nhận giá trị của các liên kết giữa các quốc gia đang đối mặt với thiếu hụt nhân khẩu học và những quốc gia sẽ tiếp tục thấy sự tăng trưởng trong dân số trong độ tuổi lao động của họ.

Ngược lại với các quốc gia như Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hoặc Nhật Bản, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động của Ấn Độ sẽ tiếp tục tăng đến năm 2040, và số lượng tuyệt đối người trong độ tuổi lao động ở quốc gia này sẽ gần đạt mốc nửa thế kỷ. Việc áp dụng chính sách di cư linh hoạt trong khu vực sẽ khai thác tốt hơn giá trị của những sự khác biệt này. Không chỉ việc di cư nhiều hơn giúp cung cấp việc làm tốt cho những người cần từ các quốc gia có lợi tức nhân khẩu học cũng như lấp đầy các công việc cần làm ở các quốc gia thiếu hụt, mà nó còn củng cố đáng kể các liên kết thương mại và đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, và xây dựng dòng tiền lưu thông.

Di cư ra khỏi nhiều quốc gia ở châu Á và Thái Bình Dương đã và đang xảy ra, nhưng phần lớn điều này phản ứng với nhu cầu từ bên ngoài khu vực, đặc biệt là từ các quốc gia vùng Vịnh. Các quốc gia như Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất đã áp dụng các chiến lược chủ động mà các quốc gia châu Á hàng đầu nên cân nhắc, nhằm tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho lao động di cư của châu Á trong khu vực và củng cố mối liên kết giữa các nền kinh tế châu Á.

May mắn thay, một số thay đổi trong chính sách và quan điểm ở các nền kinh tế lớn nhất của khu vực đang chỉ ra vai trò lớn hơn của di cư để giải quyết những mất cân bằng lực lượng lao động trong khu vực, thay vì thiếu hụt tổng thể. Ví dụ, dân số người nhập cư của Cộng hòa Hàn Quốc đã tăng thêm 829.000 người từ năm 2013 đến năm 2023. Sự quan tâm ngày càng tăng của quốc gia này đối với chiến lược dựa trên di cư là điều dễ hiểu. Sự kéo dài nhân khẩu học không kiểm soát có thể làm giảm tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người ở Cộng hòa Hàn Quốc trong nửa thế kỷ tới khoảng 0,85 điểm phần trăm mỗi năm. Ngược lại, việc tăng nhẹ dân số lao động di cư của Hàn Quốc từ dưới 3% tổng số lao động hiện tại lên khoảng 15% trong 40 năm tới—một mức tăng trưởng đã được Australia và Malaysia đạt được—sẽ bù đắp phần lớn sự kéo dài nhân khẩu học của quốc gia này.

Việc gắn kết nhu cầu cao hơn đối với lao động di cư trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương như một chiến lược khu vực là hợp lý. Nhưng có thể đạt được nhiều tiến bộ hơn nữa bằng cách làm việc thông qua các tổ chức khu vực như ASEAN, với mục tiêu đạt được các thỏa thuận khu vực tương tự như các thỏa thuận thương mại để tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển lao động cao hơn.

Chương trình nghị sự có thể bao gồm hợp tác khu vực về yêu cầu cấp phép và đào tạo để làm đơn giản hóa việc hợp tác trao đổi các kỹ năng. Điều này sẽ giúp lấp đầy sự thiếu hụt về nguồn nhân lực ở cả 2 nền kinh tế

Hơn bất kỳ khu vực nào khác, châu Á và Thái Bình Dương đã thực hiện tầm nhìn tích cực về nhân khẩu học như một định mệnh trong năm thập kỷ qua bằng cách kết hợp dân số đang tăng với các khoản đầu tư nâng cao năng suất vào cơ sở hạ tầng kinh tế. Giờ đây, với dân số ngày càng già đi ở nhiều quốc gia, các chính phủ trong khu vực sẽ cần phải hành động khác biệt. Họ cần đặt đầu tư vào vốn con người ngang bằng với vốn vật chất, và tạo điều kiện cho sự di chuyển xuyên biên giới của con người giống như cách họ đã lâu nay tạo điều kiện cho dòng chảy hàng hóa và dịch vụ thông qua tích hợp thương mại. Nếu được thực hiện đầy đủ, phiên bản tích hợp khu vực này hứa hẹn sẽ mang lại sự phát triển nhiều hơn, nền kinh tế mạnh mẽ và sự ổn định khu vực lớn hơn.

PHỤ LỤC 2.2

Các nền kinh tế mới nổi Việt Nam và Ấn Độ bổ sung cho nhau như thế nào

Mục tiêu tương lai cho thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Ấn Độ

Vào cuối tháng 7, Thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính đã thực hiện chuyến thăm chính thức tới Ấn Độ, trong đó ông đề xuất rằng hai nước nhanh chóng nâng cao thương mại song phương lên 20 tỷ USD. Thương mại giữa Ấn Độ và Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể, đạt gần 15 tỷ USD vào năm 2023, so với 200 triệu USD vào năm 2000. Trong số đó, 8,5 tỷ USD đến từ xuất khẩu của Việt Nam.

Các công ty Ấn Độ hiện đang tham gia vào 410 dự án đầu tư hoạt động tại Việt Nam, với tổng vốn đầu tư đạt 1,03 tỷ USD, khiến Ấn Độ trở thành nhà đầu tư lớn thứ 25 trong số 146 quốc gia và lãnh thổ tại Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam đã đầu tư vào 16 dự án tại Ấn Độ, với tổng vốn đầu tư vượt quá 14 triệu USD, không bao gồm các khoản đầu tư từ Vingroup.

Thủ tướng Phạm Minh Chính khuyến khích các công ty Ấn Độ mở rộng hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp với ưu tiên của cả hai quốc gia và nhu cầu của Việt Nam. Những lĩnh vực này bao gồm công nghệ cao, điện tử, khoa học và công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), phát triển cơ sở hạ tầng, năng lượng tái tạo, các nguồn năng lượng mới như hydro, công nghệ sinh học, đổi mới sáng tạo, nông nghiệp công nghệ cao và dược phẩm. Trong cuộc họp với Thủ tướng Việt Nam, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Subrahmanyam Jaishankar nhấn mạnh tầm quan trọng mà chính phủ Ấn Độ đặt vào chuyến thăm, điều này dự kiến sẽ củng cố quan hệ Việt Nam-Ấn Độ trong những năm tới. Ông Jaishankar cũng cam kết làm việc chặt chẽ với Bộ Ngoại giao Việt Nam để thúc đẩy quan hệ song phương trong thời gian tới.

Khám phá toàn bộ tiềm năng quan hệ Ấn Độ - Việt Nam

Mặc dù cả hai quốc gia đều hưởng lợi từ mối quan hệ này, sự hợp tác kinh tế giữa Ấn Độ và Việt Nam vẫn chưa đạt được tiềm năng đầy đủ của nó. Để giải quyết vấn đề này, Thủ tướng Việt Nam đã kêu gọi các bộ và tổ chức Ấn Độ liên quan thúc đẩy đối thoại đầu tư, tạo cầu nối giữa hai chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp của họ.

Thủ tướng cũng đã kêu gọi các bộ, ngành và địa phương của Việt Nam thực hiện các bước chủ động, bao gồm:

- Tăng cường đối thoại để giải quyết những thách thức và trở ngại mà các nhà đầu tư Ấn Độ gặp phải tại Việt Nam.
- Thực hiện cải cách hành chính để đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết.

- Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ số và khuyến khích phân cấp.
- Tối ưu hóa tuân thủ và giảm chi phí đầu vào cho công dân và doanh nghiệp.
- Nâng cao cơ sở hạ tầng và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư.

Ấn Độ vs. Việt Nam: Các cường quốc kinh tế với những lợi thế rõ rệt cho nhà đầu tư

Các yếu tố kinh tế

Ấn Độ, với vai trò là nền kinh tế lớn thứ ba ở châu Á, tận hưởng lợi thế cạnh tranh đáng kể nhờ vào thị trường nội địa rộng lớn, cơ sở người tiêu dùng đa dạng và lực lượng lao động giá rẻ dồi dào. Với tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn so với Việt Nam, Ấn Độ cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề với mức chi phí hợp lý hơn. Trong năm tài chính 2023-24, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Ấn Độ khoảng 8,2%, và xuất khẩu hàng hóa của nước này vượt qua 430 tỷ USD, đưa Ấn Độ vào danh sách các nền kinh tế lớn hoạt động tốt nhất. Tận dụng những điểm mạnh kinh tế, Ấn Độ đã triển khai dự án phát triển cơ sở hạ tầng PM Gati Shakti trị giá 1,2 triệu tỷ USD nhằm thu hút các nhà máy rời khỏi Trung Quốc.

Ngược lại, Việt Nam có nền kinh tế nhỏ hơn, điều này ảnh hưởng đến tổng GDP và tỷ lệ tăng trưởng so với Ấn Độ. Tuy nhiên, Việt Nam nổi bật ở một số lĩnh vực chính. GDP bình quân đầu người của Việt Nam cao hơn Ấn Độ, và nước này duy trì tỷ lệ nợ/GDP thấp hơn nhiều, cho thấy sự phụ thuộc vào nước ngoài ít hơn. Thêm vào đó, tỷ lệ lạm phát thấp hơn của Việt Nam góp phần vào giá nguyên liệu thô và các chi phí khác ổn định, điều quan trọng trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế.

Việt Nam cũng cung cấp môi trường thuế doanh nghiệp thuận lợi hơn, với các mức thuế thấp hơn hấp dẫn các doanh nghiệp. Quốc gia này cung cấp các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT) hấp dẫn cho các tập đoàn lớn và các ngành ưu tiên như công nghệ cao, dệt may, điện tử và lắp ráp ô tô. Đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghệ cao và các khu vực có thách thức về xã hội và kinh tế cũng có thể đủ điều kiện nhận các ưu đãi này. Trong khi các mức thuế ưu đãi 10% và 17% có sẵn trong thời gian từ 10 đến 15 năm với khả năng gia hạn, tác động của các cải cách thuế toàn cầu (các Trụ cột 1 và 2 của BEPS 2.0 của OECD) đối với các ưu đãi thuế của Việt Nam vẫn còn phải chờ xem. Trong khi đó, các mức thuế doanh nghiệp hiệu quả của Ấn Độ dao động từ 31,20% đối với các công ty nội địa nhỏ đến 43,68% đối với các công ty nước ngoài lớn có cơ sở thường trú tại Ấn Độ.

Tỷ lệ biến động tiền tệ thấp hơn của Việt Nam làm cho quốc gia này trở thành lựa chọn hấp dẫn cho các doanh nghiệp nước ngoài muốn tránh rủi ro tiền tệ. Trong khi đó, Rupee Ấn Độ là một “đồng tiền tự do chuyển đổi,” với tỷ giá hối đoái được xác định bởi các lực lượng thị trường.

Trong khi quy mô thị trường lớn của Ấn Độ mang lại lợi thế hơn Việt Nam, Chỉ số Tương đồng Xuất khẩu cho thấy Việt Nam có giỏ xuất khẩu gần gũi hơn với Trung Quốc, cho thấy tiềm năng của Việt Nam trong việc thay thế sự thống trị xuất khẩu của Trung Quốc.

Tóm lại, mặc dù cấu trúc kinh tế lớn hơn của Ấn Độ mang lại những lợi thế như lao động giá rẻ và thị trường rộng lớn, những điểm mạnh nổi bật của Việt Nam, bao gồm sự ổn định kinh tế và chính sách thân thiện với nhà đầu tư, làm cho nó trở thành một lựa chọn hấp dẫn cho các nhà đầu tư, đặc biệt là trong thời kỳ bất ổn toàn cầu.

Các yếu tố chính trị và quy định

Phần này xem xét bối cảnh chính trị và quy định của Việt Nam và Ấn Độ, tập trung vào ba khía cạnh chính: sự ổn định chính trị, Chỉ số Các hạn chế Quy định Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI), và củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Sự ổn định chính trị:

Việt Nam và Ấn Độ hoạt động dưới các hệ thống chính trị khác nhau rõ rệt. Ấn Độ là một nước cộng hòa dân chủ nghị viện với tám đảng quốc gia được công nhận và hơn 40 đảng khu vực. Ngược lại, Việt Nam là một quốc gia đơn đảng. Tại Ấn Độ, chính phủ được bầu bởi người dân cho một nhiệm kỳ theo hiến pháp, và sự thay đổi đảng cầm quyền có thể ảnh hưởng đáng kể đến chương trình nghị sự quốc gia.

Chỉ số ổn định chính trị của Ngân hàng Thế giới, đo lường các yếu tố như nguy cơ chuyển giao chính phủ không ổn định, xung đột vũ trang và bất ổn xã hội, xác nhận đánh giá này, với Việt Nam đạt điểm cao hơn Ấn Độ về sự ổn định.

Chỉ số Các hạn chế Quy định Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI):

Khía cạnh thứ hai ảnh hưởng đến việc tích hợp của mỗi quốc gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu là Chỉ số Các hạn chế Quy định Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài. Theo đánh giá của OECD năm 2020, Việt Nam đạt điểm 0,125, với một hạn chế được ghi nhận về yêu cầu quốc tịch đối với các quản lý và điều hành doanh nghiệp. So với đó, điểm số của Ấn Độ là 0,21. Chỉ số Các hạn chế Quy định Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI RRI) của OECD đo lường các hạn chế pháp lý đối với FDI trong bốn lĩnh vực: giới hạn vốn đầu tư nước ngoài, yêu cầu kiểm tra và phê duyệt trước, quy định cho nhân sự chủ chốt, và các hạn chế hoạt động khác đối với các doanh nghiệp nước ngoài. Mặc dù chế độ FDI của Ấn Độ có nhiều hạn chế hơn, chính phủ đang tích cực làm việc để tự do hóa các quy định này, do sự sụt giảm dòng vốn FDI và các mục tiêu tham vọng nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước và tích hợp vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chương trình quốc gia và sáng kiến chính sách:

Các nhà đầu tư nước ngoài khi vào Việt Nam phải điều chỉnh theo các điều kiện tiếp cận thị trường do các quy định địa phương và các hiệp định quốc tế quy định. Trong khi Việt Nam có môi trường chính trị ổn định hơn và các chính sách FDI ít hạn chế hơn, Ấn Độ đã triển khai các chính sách năng động và toàn diện hơn nhằm nâng cao vị thế của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Modi, Ấn Độ đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm tăng cường năng lực sản xuất. Sáng kiến "Make in India," được khởi động vào năm 2014, tập trung vào việc phát triển hơn 20 ngành công nghiệp để củng cố nền sản xuất của Ấn Độ. Điều này được tiếp nối bằng "Chương trình Ấn Độ Tự Cung Tự Cấp" vào năm 2020, nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước, và các Chương trình Khuyến khích Sản xuất (PLI) được giới thiệu từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2020. Vào tháng 5 năm 2023, chính phủ Ấn Độ đã gấp đôi ngân sách cho một chương trình PLI cho phần cứng CNTT lên 170 tỷ INR (2,04 tỷ USD) nhằm thu hút đầu tư nước ngoài.

Các yếu tố xã hội: Địa lý và nguồn nhân lực

Địa lý:

Việt Nam có lợi thế địa lý rõ rệt nhờ vị trí gần Shenzhen, Trung Quốc, điều này giúp các doanh nghiệp tiết kiệm cả thời gian và vốn khi di chuyển các nhà máy sản xuất. Thêm vào đó, Việt Nam nằm ở vị trí chiến lược gần các trung tâm chuỗi cung ứng quan trọng của nhiều tập đoàn đa quốc gia, bao gồm Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia Đông Nam Á.

Nguồn nhân lực:

Ấn Độ có khả năng duy trì lợi thế nhờ lực lượng lao động dồi dào và giá rẻ. Theo Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Việt Nam có thể mất lợi thế so sánh về lao động giá rẻ do dân số già hóa và chi phí lao động ngày càng tăng. Để đối phó với điều này, việc tăng năng suất lao động được coi là giải pháp hiệu quả nhất, nhưng điều này là một thách thức lớn đối với chính phủ Việt Nam, đòi hỏi thời gian và nỗ lực đáng kể.

Việt Nam – Ấn Độ: Đồng minh hay đối thủ?

Khi so sánh Ấn Độ và Việt Nam trên các phương diện chính trị, kinh tế và xã hội, cả hai quốc gia đều thể hiện những điểm mạnh và yếu riêng biệt. Ấn Độ, với nền kinh tế lớn, mang lại những lợi thế đáng kể về thị trường và lực lượng lao động, trong khi Việt Nam ngày càng được công nhận như một trung tâm sản xuất ổn định.

Giữa những xáo trộn toàn cầu như căng thẳng Mỹ-Trung, xung đột Nga-Ukraina, xung đột Israel-Hamas, và xu hướng suy thoái ở các thị trường phát triển, những xung đột không cần thiết là điều không được chào đón. Ấn Độ và Việt Nam không phải là ngoại lệ, và cả hai chính phủ đều coi tình hình hiện tại như một cơ hội để hợp tác. Các chính sách hợp tác song phương được coi là cách để hai quốc gia bổ sung cho nhau.

Chẳng hạn, Sanjaya Baru, cựu Tổng thư ký Liên đoàn các Phòng Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, coi Việt Nam là một đối tác tiềm năng trong chiến lược chuỗi cung ứng mới của Ấn Độ. Bằng cách kết nối với Việt Nam, Ấn Độ nhằm thúc đẩy xuất khẩu sang Đông Nam Á và Đông Á thông qua các liên doanh.

Điểm nhấn: Cách chiến lược sản xuất 'China+many' của Apple đã mang lại lợi ích cho Việt Nam và Ấn Độ

Sự phụ thuộc lớn của Apple vào các nhà máy ở Trung Quốc từ lâu đã được xem là một rủi ro tiềm tàng, đặc biệt trong thời kỳ bất ổn toàn cầu. Cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung, xung đột Nga-Ukraina và những tác động kéo dài của các hạn chế COVID-19 chỉ càng làm tăng thêm mối lo ngại này. Trong những năm gần đây, Apple đã thực hiện một sự thay đổi chiến lược, khuyến khích các nhà cung cấp của mình chuyển địa điểm và đa dạng hóa các vị trí nhà máy. Việt Nam và Ấn Độ đã nổi lên như những điểm đến quan trọng trong nỗ lực này.

Việt Nam đã trở thành một trung tâm sản xuất chính của Apple, sản xuất các sản phẩm như iPads, AirPods và Apple Watches, với các nhà cung cấp cho MacBooks cũng mở rộng đầu tư vào quốc gia này. Đến năm 2022, Apple đã mở 25 nhà cung cấp tại Việt Nam, bao gồm các công ty lớn như Foxconn, GoerTek, Luxshare, Intel, Samsung Electronics và Compal.

Theo phân tích của JPMorgan, Apple dự định di chuyển 20% sản lượng iPad, 5% sản lượng MacBook, 20% sản lượng Apple Watch và 65% sản lượng AirPods sang Việt Nam trước năm 2025. Báo cáo cũng nhấn mạnh rằng Việt Nam đang trở thành một trung tâm sản xuất quan trọng cho các linh kiện như mô-đun camera và dịch vụ sản xuất điện tử (EMS) cho các sản phẩm có khối lượng nhỏ hơn, chẳng hạn như Apple Watch, Mac và iPad. Việt Nam hiện đã là một nhà sản xuất chính của AirPods.

Theo các tuyên bố của chính phủ Việt Nam vào năm 2024, Apple đã đầu tư gần 16 tỷ USD thông qua chuỗi cung ứng của mình tại Việt Nam, góp phần tạo ra hơn 200.000 việc làm. Hơn nữa, Apple đã thông báo với truyền thông rằng họ dự định mua thêm các linh kiện từ Việt Nam và công ty "sẵn sàng ... tăng cường hợp tác và hoạt động đầu tư" tại trung tâm sản xuất Đông Nam Á này.

Tại Ấn Độ, các nhà cung cấp của Apple đã lắp ráp các iPhone trị giá khoảng 14 tỷ USD trong năm tài chính 2023-24, chiếm 14% tổng sản lượng toàn cầu, tương đương với khoảng một trong bảy chiếc iPhone trên toàn thế giới, theo Bloomberg. Sản xuất tại Ấn Độ bao gồm các mẫu iPhone 12, 13, 14 và 15, với Foxconn dẫn đầu trong việc sản xuất iPhone tại quốc gia này. Apple cũng đang thảo luận với các nhà sản xuất OEM/ODM trong các lĩnh vực ô tô, hàng không vũ trụ và điện tử tiêu dùng của Ấn Độ để khám phá các thỏa thuận cung cấp tiềm năng trải rộng trên nhiều danh mục sản phẩm.

Kết quả của chiến lược di chuyển và đa dạng hóa của Apple, cả Việt Nam và Ấn Độ đều có khả năng trở thành các trung tâm sản xuất lớn cho công ty, củng cố vị trí của họ trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Hơn nữa, Apple không phải là công ty duy nhất quyết tâm mở rộng sản xuất ra ngoài Trung Quốc. Nhiều nhà kinh tế đã ghi nhận xu hướng ngày càng tăng của các tập đoàn đa quốc gia áp dụng các chiến lược tương tự. Với những lợi thế riêng, cả Việt Nam và Ấn Độ đã trở thành điểm đến hấp dẫn cho nhiều công ty toàn cầu.

PHỤ LỤC 2.3

Việt Nam trở thành điểm thu hút ngành công nghiệp chip với nguồn nhân lực chất lượng và chi phí hợp lý

Các công ty từ Mỹ, Đài Loan và Hàn Quốc đổ xô đến Việt Nam, bởi sự bùng nổ căng thẳng về nguồn lực.

Khi đến thăm trường đại học cũ của mình ở Việt Nam, Trần Thị Ngọc Gương không ngờ rằng tất cả sinh viên lại tò mò đến vậy về ngành công nghiệp của cô: Thiết kế chip. "Mọi người có rất nhiều câu hỏi và họ rất chi tiết", cô nói. "Tôi rất ngạc nhiên." Một sinh viên tâm sự rằng anh ta vừa chuyển sang chuyên ngành của cô; một người khác hỏi cô về những vấn đề khó hiểu như "cây đồng hồ", một khái niệm về mạch thiết kế phần cứng - điều mà cô chưa từng gặp phải khi là sinh viên.

Rất nhiều thứ đã thay đổi trong năm năm giữa khi Gương tốt nghiệp và vị trí kỹ sư cao cấp hiện tại của cô về thiết kế vật lý tại nhà phát triển chip Hoa Kỳ Marvell. Giờ đây, những sinh viên Việt Nam mặt tươi tắn đang nhảy vào ngành bán dẫn và chính phủ đặt mục tiêu đào tạo ít nhất 50.000 kỹ sư và nhà thiết kế chip vào năm 2030. "Tôi không nghĩ rằng một ngày nào đó, tôi sẽ kết thúc trong một lĩnh vực nóng như vậy", Gương, 26 tuổi, nói tại bàn làm việc của cô ở Thành phố Hồ Chí Minh phía nam Việt Nam, được trang trí bằng ảnh con chó của cô, một cuốn sách tiếng Việt về TED Talks và huy chương từ các cuộc chạy vui của công ty.

Cơn sốt này xuất phát từ sự kết hợp của nhiều yếu tố. Một trong số đó là nhu cầu tăng vọt về kỹ sư chip giữa cơn sốt trí tuệ nhân tạo. Các sự thay đổi trong chuỗi cung ứng do căng thẳng Mỹ - Trung cũng đang thúc đẩy nhu cầu về nhân lực địa phương. Trong khi đó, sự thiếu hụt lao động nghiêm trọng ở các nền kinh tế chip truyền thống như Hàn Quốc, Đài Loan và Mỹ khiến các công ty phải tìm kiếm kỹ sư từ xa hơn.

Alchip Technologies, nhà cung cấp dịch vụ thiết kế chip AI hàng đầu của Đài Loan, đang mở rộng đội ngũ R&D của mình vào Việt Nam, nơi dự định mở văn phòng đầu tiên trong năm nay. Theo CFO Daniel Wang, công ty có thể sẽ tăng số lượng nhân viên lên tới 100 kỹ sư trong vòng hai đến ba năm tới. "Sau khi đánh giá nhiều điểm đến ở châu Á để mở rộng đội ngũ R&D, chúng tôi nhận ra rằng việc thu hút nhân tài ở các nền kinh tế công nghệ đã phát triển như Nhật Bản có thể gặp khó khăn đối với một công ty như Alchip, mặc dù chúng tôi cũng đang mở rộng ở đó," Chủ tịch & Giám đốc điều hành Johnny Shen cho biết. "Nguồn nhân lực kỹ sư đầy triển vọng và tinh thần làm việc mạnh mẽ của Việt Nam làm cho đây là một lựa chọn rất hấp dẫn đối với chúng tôi. Chúng tôi đã bị ấn tượng bởi sự tận tâm và cam kết của các kỹ sư Việt Nam, những người rất ham học hỏi và đóng góp." GUC và Faraday Technology, các nhà cung cấp dịch vụ thiết kế chip liên kết với TSMC và UMC, cũng đang tìm kiếm các kỹ sư trẻ tại Việt Nam. Tương tự, các công ty Hàn Quốc cũng đang chuyển hướng sang Việt Nam, một phần để giảm bớt tình trạng chảy máu chất xám ở thị trường nội địa của họ.

"Hiện nay, thật dễ dàng cho những người thông minh ở đất nước chúng tôi đi đến Mỹ sau khi học tập chăm chỉ. Nhiều người trong số họ gia nhập Nvidia với mức lương sáu con số hoặc thậm chí hàng triệu đô la," Giám đốc điều hành MetisX, Jin Kim, nói trong một cuộc họp gần đây giữa các lãnh đạo doanh nghiệp và bà Oh Youngju, Bộ trưởng Bộ Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và Khởi nghiệp. "Chúng tôi cần phải cung cấp một gói cạnh tranh, nhưng một công ty đơn lẻ không thể tự mình đảm bảo được điều đó." Ngoài các khoản trợ cấp cho R&D, các giám đốc điều hành tại cuộc họp đã kêu gọi một hệ thống giáo dục nhằm đào tạo nhân viên nước ngoài và nới lỏng quy định về visa để thu hút họ. Quốc gia được nhắc đến nhiều nhất trong cuộc thảo luận là Việt Nam.

Đạt yêu cầu

BOS Semiconductors của Hàn Quốc đã vào Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2022 để thiết lập một đội hỗ trợ. Nhưng khi các giám đốc điều hành đi lại giữa Việt Nam và Hàn Quốc, so sánh hai nhóm nhân viên, chất lượng kỹ thuật của đội ngũ Việt Nam đã khiến họ quyết định nâng cấp đội ngũ. "Họ nhận ra rằng đây có thể trở thành trung tâm R&D chính," giám đốc quốc gia Lim Hyung Jun cho biết trong một cuộc phỏng vấn. "Điều đó thật sự bất ngờ."

BOS thiết kế các vi mạch AI, bao gồm cho lái xe tự động, cho các khách hàng trong ngành ô tô như Hyundai. Lim cho biết việc đạt được một mục tiêu, đó là có một hệ thống trên một vi mạch (SoC) được thiết kế tại Việt Nam, sẽ chứng minh sự sáng tạo địa phương. "Điều đó có thể định hình xu hướng thị trường," ông nói.

Tại văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 50 nhân viên, bao gồm quản lý thiết kế Nguyễn Hùng Quân. Anh cho biết các đồng nghiệp của anh "rất hào hứng" khi làm việc với những vấn đề như truyền dữ liệu tốc độ cao, điều này giúp họ học thêm nhiều kỹ năng. "Ở Việt Nam, chúng tôi đang ở giai đoạn R&D," Quân nói. "Sản xuất thực sự khó khăn và tốn kém, nhưng điều này sẽ đưa chúng tôi theo hướng đó." ADTechnology, một công ty đồng hương của BOS, điều hành hai trung tâm nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sự có mặt của các kỹ sư công nghệ trong thời điểm thiếu hụt có thể giúp Việt Nam thực hiện một trong những giấc mơ lâu dài của mình: nâng cao chuỗi giá trị công nghệ.

Marvell, ví dụ, mô tả Việt Nam là một "vị trí chiến lược để phát triển tài năng kỹ thuật." Chuyên gia ngành công nghiệp Lê Quang Đàm đã giúp xây dựng văn phòng đầu tiên của công ty Mỹ tại quốc gia này. Từ chỉ vài chục kỹ sư trong những năm đầu, đội ngũ của anh hiện đã có hơn 400 người, tăng từ 300 người năm ngoái. "Việt Nam sẽ trở thành trung tâm thiết kế vi mạch lớn thứ ba của Marvell, chỉ sau trụ sở chính ở Mỹ và Ấn Độ," ông Đàm, giám đốc điều hành Marvell Việt Nam, cho biết với Nikkei Asia.

Marvell đặt mục tiêu tăng số lượng nhân viên tại địa phương lên khoảng 500 người vào năm 2026. Kế hoạch tuyển dụng không chỉ bao gồm nhân viên cho các văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh mà còn cho một địa điểm mới ở Đà Nẵng, miền Trung Việt Nam. "Tôi rất hào hứng khi CEO của Marvell yêu cầu tôi mở văn phòng đầu tiên tại Việt Nam. ... Bây giờ, sau 11 năm, tôi cảm thấy rất tự hào về Marvell và đội ngũ cũng như những gì chúng tôi đã đạt được," ông Đàm cho biết, đồng thời nói thêm rằng đội ngũ tại Việt Nam "có khả năng thực hiện R&D về công nghệ vi mạch tiên tiến nhất." Khác với

các lĩnh vực công nghệ thấp hoặc lao động tập trung, hoạt động của Marvell tại Việt Nam yêu cầu khả năng kỹ thuật tiên tiến. Nó chủ yếu tập trung vào kết nối quang học trung tâm dữ liệu tốc độ cao, lưu trữ, và công nghệ vi mạch analog và tín hiệu hỗn hợp - tất cả đều thiết yếu cho việc mở rộng cơ sở hạ tầng AI. Phần lớn các thành viên trong đội của ông Đàm rất trẻ - từ 20 đến 30 tuổi - và hơn 20% là nữ. "Tôi vẫn đang nỗ lực để tăng tỷ lệ đó và tuyển thêm nhiều tài năng kỹ sư nữ."

Công ty Synopsys, có trụ sở tại Mỹ và là nhà sản xuất công cụ thiết kế vi mạch hàng đầu thế giới, là một trong những công ty tích cực nhất khi mở rộng vào Việt Nam, nơi hiện có hơn 500 nhân viên làm việc tại nhiều trung tâm thiết kế ở một số thành phố. "Độ quan tâm cao của sinh viên và lực lượng lao động tại Việt Nam đối với việc được đào tạo trong lĩnh vực kỹ thuật vi mạch, cùng với sự hỗ trợ từ quỹ và các chương trình của chính phủ, đang giúp thiết lập quốc gia này thành một trung tâm tài năng vi mạch," ông Robert Li, phó chủ tịch bán hàng của Synopsys, khu vực Đài Loan và Đông Nam Á, cho biết trong cuộc phỏng vấn với Nikkei Asia. Theo ông Li, đội ngũ của Synopsys tại Việt Nam đang giải quyết những thách thức quan trọng nhất của khách hàng.

Một ví dụ điển hình là vai trò quan trọng của đội ngũ này trong việc phát triển vi mạch thử nghiệm đầu tiên trong ngành dựa trên chiplet kết nối UCIe, được công bố vào năm 2023 hợp tác với Intel. UCIe, một tiêu chuẩn ngành cho kết nối đóng gói vi mạch tiên tiến được hỗ trợ bởi các nhà sản xuất chip hàng đầu như Intel, TSMC và Samsung, đang thay đổi cảnh quan ngành công nghiệp vi mạch. Trong khi đó, chiplet, hay còn gọi là chip đa vi mạch, đang định hình lại thiết kế và sản xuất vi mạch, và đội ngũ của Synopsys tại Việt Nam đang dẫn đầu trong sự chuyển mình này.

Brian Chen, Phó tổng giám đốc tại KPMG Đài Loan và KPMG Việt Nam, cho biết nhu cầu về kỹ năng kỹ thuật cao ở Việt Nam lớn hơn nhiều so với nguồn cung, điều này được thúc đẩy bởi cuộc chiến công nghệ giữa Trung Quốc và Mỹ, dẫn đến việc nhiều công ty chuyển hoạt động sang Đông Nam Á. "Chúng tôi nhận thấy rằng trong thời kỳ COVID, nhiều tài năng kỹ thuật địa phương đã quay trở lại Việt Nam từ các quốc gia Đông Nam Á khác, chẳng hạn như Singapore. Nhưng vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng trong nhóm tài năng, vì nhiều công ty công nghệ đang mở rộng ở quốc gia này," Chen, người đã sống ở Việt Nam trong nhiều năm, nói với Nikkei Asia. Trong thiết kế chip, Chen cho biết, "mỗi công ty đang tuyển dụng ít nhất 300 hoặc 500 người cho văn phòng tại Việt Nam của họ." So với Đài Loan hoặc Hàn Quốc, mức năng suất và mức lương của các kỹ sư ở Việt Nam làm cho quốc gia này trở nên hấp dẫn đối với các công ty, Chen cho biết, trong khi chính phủ đang thúc đẩy mạnh mẽ để làm cho nền kinh tế công nghệ của mình trở nên tinh vi hơn đã giúp mở rộng và cải thiện nguồn ứng viên. Theo trang web tài nguyên nghề nghiệp Salary Explorer, các kỹ sư Việt Nam kiếm được trung bình 665 USD mỗi tháng, thấp hơn nhiều so với 5.627 USD ở Singapore, 3.782 USD ở Đài Loan, 2.826 USD ở Hàn Quốc và 1.313 USD ở Malaysia. Dam đồng ý rằng một yếu tố chính là xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu do những gián đoạn của COVID và căng thẳng Mỹ-Trung, điều này, theo ông, đã dẫn đến "nhiều khoản đầu tư chuyển từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam." Việt Nam cũng ổn định về chính trị cũng như hiệu quả về chi phí, ông nói.

Có phải điều tốt đẹp đang trở thành quá nhiều?

Nhưng khi đầu tư công nghệ tăng lên, các dấu hiệu căng thẳng bắt đầu xuất hiện. Giao thông ở Thành phố Hồ Chí Minh đã trở nên tắc nghẽn hơn, Dam của Marvell cho biết. Công ty duy trì hai văn phòng ở thành phố để giúp giảm thời gian đi lại bằng cách cho phép nhân viên chọn làm việc từ vị trí thuận tiện hơn, ông giải thích.

"Việc tìm kiếm không gian phù hợp là một thách thức vì chúng tôi không chỉ cần văn phòng tiêu chuẩn, mà còn cần không gian cho các phòng thí nghiệm [R&D] của chúng tôi, điều này yêu cầu các nguồn cung cấp điện và điều kiện không khí khác nhau cho thiết bị của chúng tôi," Dam nói, đồng thời cho biết rằng cơ sở hạ tầng cần được cải thiện. "Đối với thiết kế IC (mạch tích hợp), chúng tôi may mắn vì không cần quá nhiều năng lượng và nước. Nhưng đối với sự phát triển tổng thể của ngành, cung cấp điện, năng lượng và nước là một vấn đề. Đối với đóng gói, lắp ráp và kiểm tra chip, chúng cần rất nhiều điện và nước." Và những lợi ích hiện tại đang thu hút đầu tư nước ngoài có thể không kéo dài.

Chen, đối tác tại KPMG, ước tính rằng mức lương ở Việt Nam có thể sớm bắt kịp mức lương ở Đài Loan do nhu cầu mạnh mẽ về lao động. "Mức lương đang tăng nhanh chóng. Những tài năng cấp cao sẽ được tăng lương ít nhất 10% mỗi năm." Thành phố Hồ Chí Minh là sự lựa chọn hàng đầu của các công ty nước ngoài để thu hút nhân viên nhờ chất lượng cuộc sống và các hoạt động thương mại sôi động của thành phố, Chen cho biết. "Sự phát triển của nhóm tài năng cấp cao ở Việt Nam chỉ mới ở giai đoạn khởi đầu. Chúng tôi dự đoán các công ty sẽ chuyển sang Hà Nội như giai đoạn tiếp theo, khi thị trường lao động ở đây đã bão hòa."

Tuy nhiên, hiện tại, nhu cầu về nhân tài vẫn đang vượt xa cung -- và không chỉ ở Việt Nam. Malaysia, một trung tâm ngành công nghiệp chip vào những năm 1970 và 1980, đang nỗ lực tái xây dựng ngành công nghiệp nội địa của mình. Đầu tư đang đổ vào từ một số cái tên lớn nhất trong ngành, nhưng các quan sát viên chỉ ra rằng thiếu hụt kỹ sư địa phương là một trong những thách thức cản trở giấc mơ của chính phủ. Thái Lan đang tận hưởng một làn sóng đầu tư mới vào bảng mạch in, máy tính xách tay và máy chủ nhưng cũng đối mặt với nhu cầu ngày càng tăng về nhân tài công nghệ địa phương.

Nhật Bản cũng đang cố gắng lấy lại thời kỳ huy hoàng của mình như một cường quốc chip, và thiếu hụt kỹ sư có kinh nghiệm là một vấn đề gần như liên tục đối với các nhà hoạch định chính sách và các nhân vật trong ngành. Ngay cả Trung Quốc, nơi chính phủ đang ủng hộ ngành công nghiệp chip nội địa, cũng gặp khó khăn trong việc tuyển dụng đủ số lượng kỹ sư khi ngày càng nhiều sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học hàng đầu chọn công việc có lương cao hơn trong lĩnh vực phần mềm hoặc dịch vụ tài chính.

Phát triển thế hệ tiếp theo

Tại Việt Nam, các giám đốc ngành chip như Dam của Marvell và các quan chức nhà nước cho biết học bổng và chương trình thực tập là một trong những công cụ chính mà họ đang sử dụng để đưa nhiều kỹ sư vào ngành. Seoul AI Hub, một

đơn vị nghiên cứu của Chính quyền đô thị Seoul, dự định cung cấp một chương trình thực tập ba tháng cho các sinh viên Việt Nam bắt đầu từ tháng Chín, kết nối họ với các công ty thiết kế chip của Hàn Quốc. Bộ SMEs và Startups của Hàn Quốc đang làm việc với Bộ Tư pháp để phát triển các quy định visa linh hoạt hơn cho người Việt Nam.

Trong khi đó, Washington đang làm việc với bảy quốc gia, bao gồm cả Việt Nam, để xây dựng một chuỗi cung ứng chip không có sự tham gia của Trung Quốc. Một quan chức Mỹ đã nói với Nikkei vào đầu năm nay rằng kinh nghiệm lâu dài của Việt Nam trong việc lắp ráp sẽ giúp quốc gia này mở rộng sang thiết kế chip. "Có nhiều quốc gia trên thế giới mong muốn có khả năng lắp ráp, kiểm tra và đóng gói [ATP] như [Việt Nam]," ông Jose Fernandez, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ phụ trách tăng trưởng kinh tế, năng lượng và môi trường, cho biết. Ông nói thêm, "Bạn phải bắt đầu với ATP, và từ đó bạn có thể phát triển."

Các nỗ lực khác đang đến từ khu vực tư nhân. Pegatron, một nhà cung cấp của Apple và Microsoft từ Đài Loan, rất muốn mở rộng nhóm tài năng kỹ thuật địa phương tại Việt Nam, nơi công ty đã xây dựng sự hiện diện trong lĩnh vực sản xuất kể từ năm 2020. "Năng suất và chất lượng tài năng đang gia tăng ở Việt Nam, nhưng với động lực của thị trường, nguồn cung tài năng không thể theo kịp nhu cầu, vì vậy các công ty phải tham gia nhiều hơn vào việc đào tạo," ông Chi-Liang Chen, Giám đốc Điều hành Pegatron Vietnam, nói với Nikkei Asia.

Chen cho biết sự tập trung ngày càng tăng của chính phủ Việt Nam vào lĩnh vực bán dẫn cũng ảnh hưởng đến việc tuyển dụng cho các ngành công nghệ khác, và Pegatron dự đoán sự thiếu hụt sẽ "rõ ràng hơn" trong thời gian tới. "Chúng tôi thực sự hy vọng rằng chính phủ và các trường học có thể chủ động hơn trong việc mở rộng các khoa liên quan đến kỹ thuật với các ưu đãi để mở rộng nhóm tài năng," Chen nói.

Tủ sách Doanh nghiệp

PHỤ LỤC 3.1

Báo cáo của KPMG: Mở khóa Cơ hội Scope 3 (Góc nhìn từ các doanh nghiệp khu vực châu Á - Thái Bình Dương)

Lời nói đầu

Cuộc khủng hoảng khí hậu đang gia tăng, nhưng phong trào giảm khí thải carbon cũng đang mạnh mẽ hơn. Hai thập kỷ qua đã chứng kiến một nỗ lực phối hợp từ các chính phủ, nhà đầu tư và người tiêu dùng nhằm yêu cầu các công ty chịu trách nhiệm về lượng khí carbon của họ, cùng với những nỗ lực tương ứng trong cộng đồng doanh nghiệp để theo dõi và báo cáo các khí thải Scope 1 và Scope 2.

Gần đây, có sự giám sát gia tăng đối với khí thải Scope 3, là những khí thải gián tiếp được phát sinh từ chuỗi cung ứng của công ty. Việc đo lường và báo cáo khí thải Scope 3 là rất quan trọng đối với bất kỳ mục tiêu khí hậu hoặc giảm carbon nào, vì chúng thường chiếm từ 70–90% tổng lượng khí carbon của một công ty. Tuy nhiên, việc này có thể rất khó khăn để đo lường và báo cáo chính xác vì chúng nằm ngoài phạm vi kiểm soát chính thức của công ty.

Báo cáo này xem xét sự cân bằng hiện tại giữa các sáng kiến chiến lược và tự nguyện tại các công ty ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và các nỗ lực tuân thủ trong việc công bố các khí thải này. Báo cáo đánh giá sự tiến triển và những thách thức mà các doanh nghiệp phải đối mặt khi họ cố gắng đạt được các mục tiêu giảm phát thải ròng trong những năm tới. Báo cáo này cung cấp cái nhìn tổng quan phân tích về cảnh quan báo cáo khí thải Scope 3 trong khu vực, đưa ra những hiểu biết về một trong những chủ đề định hình các công ty hiện nay, và cái nhìn về cách các công ty ở châu Á - Thái Bình Dương đang phản ứng.

Tóm tắt

Việc đo lường và báo cáo khí thải Scope 3 gặp nhiều thách thức vì nhiều lý do, chủ yếu là vì chúng xảy ra ngoài sự kiểm soát trực tiếp của tổ chức. Bất kỳ nỗ lực nào để đo lường và công bố yêu cầu dữ liệu khí thải từ nhiều bên tham gia trong chuỗi cung ứng của công ty. Thách thức này càng trở nên nghiêm trọng hơn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương do sự phức tạp của các chuỗi cung ứng trong khu vực và vấn đề thiếu chuẩn hóa xung quanh khí thải Scope 3.

Nghiên cứu này nhằm làm nổi bật tình trạng báo cáo và công bố khí thải Scope 3 ở châu Á - Thái Bình Dương bằng cách phân tích các báo cáo ESG công khai từ 338 công ty niêm yết trên sáu sàn chứng khoán, được công bố trong khoảng thời gian 2022-2023. Việc khai thác dữ liệu này cung cấp cái nhìn rộng về tiến trình mà các công ty ở châu Á - Thái Bình Dương đã đạt được và những khu vực còn cần nỗ lực nhiều hơn. Báo cáo cũng nhằm hỗ trợ các công ty mới bắt đầu hành trình báo cáo của mình bằng cách khám phá một loạt các yếu tố, phương pháp và thực tiễn tốt nhất hiện đang được quan sát và ghi nhận trong khu vực.

Cuối cùng, báo cáo nhấn mạnh tầm quan trọng của sự minh bạch, độ chính xác và sự hợp tác trong việc giải quyết các khí thải Scope 3.

Phần I: Sự gia tăng của Scope 3

Vào tháng 4 năm 2024, thế giới đã chứng kiến một tháng nhiệt độ kỷ lục chưa từng có, tiếp nối chuỗi 11 tháng liên tiếp thiết lập các kỷ lục nhiệt độ mới cho từng tháng trong năm. Tin tức này cùng với một loạt các sự kiện thời tiết cực đoan đã gây ra thiệt hại nặng nề, chẳng hạn như các đám cháy rừng do hạn hán ở rừng Amazon và sự tàn phá nông nghiệp ở các khu vực

phía nam của lục địa châu Phi. Đây chỉ là những diễn biến mới nhất trong cuộc khủng hoảng khí hậu đang diễn ra, thúc đẩy phong trào giảm carbon cho toàn bộ các ngành công nghiệp và lĩnh vực nhằm đạt được các mục tiêu được nêu trong Hiệp định Paris 2015, nhằm giới hạn sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu dưới 1,5°C. Khi các tác động của biến đổi khí hậu gia tăng, đã có sự gia tăng rõ rệt về áp lực từ các chính phủ, nhà đầu tư và người tiêu dùng yêu cầu các công ty phải chịu trách nhiệm về lượng khí carbon của họ. Việc báo cáo khí thải ngày càng trở nên phổ biến, với nhiều công ty hiện nay theo dõi và báo cáo lượng carbon dioxide (CO₂) được phát thải trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh của họ, còn được gọi là khí thải Scope 1 và Scope 2.

Định nghĩa khí thải scope 3

Trong những năm gần đây, có sự giám sát gia tăng đối với "khí thải Scope 3", một thuật ngữ được Greenhouse Gas (GHG) Protocol đặt ra để chỉ những khí thải gián tiếp phát sinh ngoài phạm vi kiểm soát chính thức của công ty. Khác với khí thải Scope 1 và Scope 2, khí thải Scope 3 có thể phát sinh từ cả phía đầu vào và đầu ra của hoạt động công ty, trải dài qua 15 loại danh mục khác nhau (xem Hình 1).

Khí thải đầu vào (upstream) được phát sinh bởi các bên bên ngoài cung cấp, sản xuất và vận chuyển bất kỳ nguyên liệu và linh kiện thô nào được sử dụng. Khí thải đầu ra (downstream) phát sinh từ các hoạt động logistics, cũng như việc sử dụng và xử lý các sản phẩm và dịch vụ của công ty. Khí thải đầu ra cũng bao gồm các hoạt động như đầu tư và nhượng quyền thương mại.

Tại sao Scope 3 lại quan trọng?

Đối với các tổ chức ở cả khu vực công và khu vực tư, việc giải quyết khí thải Scope 3 sẽ là yếu tố then chốt để đạt được bất kỳ mục tiêu khí hậu nào, vì chúng thường chiếm từ 70-90% tổng lượng khí carbon của một công ty. Nếu không có thực hành báo cáo Scope 3 mạnh mẽ, các tổ chức sẽ không thể có được dữ liệu khí thải chính xác cần thiết để giảm carbon hoàn toàn trong chuỗi cung ứng của mình.

Giả sử, khí thải Scope 1 và Scope 2 của Tổ chức X tổng cộng là 1 triệu tấn CO₂. Công ty đặt mục tiêu giảm 50%, có nghĩa là đến năm 2030, nó sẽ giảm 500,000 tấn khí thải. Tuy nhiên, nếu khí thải Scope 3 của nó có thể lên tới 20 triệu tấn, việc đạt được mục tiêu đó sẽ yêu cầu giảm 10.5 triệu tấn CO₂.

Ngay cả khi tổ chức giảm mục tiêu giảm xuống còn 15%, nó vẫn sẽ cần giảm 3 triệu tấn CO₂, đạt được con số gấp sáu lần mục tiêu ban đầu. Kịch bản này cho thấy sức mạnh của Scope 3 trong việc khuếch đại tác động của các chiến lược giảm thiểu đối với các mục tiêu giảm khí thải tổng thể và nhanh chóng đạt được các mục tiêu bền vững của doanh nghiệp.

Cũng có những phần thưởng kinh doanh đáng kể từ chiến lược khí thải Scope 3. Nếu thực hiện đúng cách, báo cáo chính xác có thể cung cấp những hiểu biết quý giá về chuỗi cung ứng và hiệu suất sản phẩm của công ty, đồng thời cải thiện mối quan hệ với các nhà cung cấp và khách hàng. Nó cũng đang trở thành yêu cầu bắt buộc từ một số sàn giao dịch công cộng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong 1-3 năm tới đối với các công ty đa quốc gia, yêu cầu báo cáo chi tiết hơn về các hành động mà họ thực hiện để chống lại và giảm khí thải tổng thể, với các hình phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ giao dịch được đề dọa hoặc áp dụng đối với việc không tuân thủ. Hơn nữa, việc báo cáo minh bạch hơn có thể tăng cường uy tín của các công ty trong mắt khách hàng và nhà đầu tư, nhiều người trong số đó đang ngày càng yêu cầu các tiêu chuẩn bền vững cao hơn.

Phần II: Báo cáo khí thải Scope 3 ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Các công ty ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang bắt đầu mở rộng nỗ lực báo cáo khí thải Scope 3 của mình. Những nỗ lực này chủ yếu xuất phát từ sự gia tăng các tiêu chuẩn công bố bắt buộc và tự nguyện trên toàn cầu. Các cơ quan quản lý ở Mỹ và châu Âu đã công bố các quy tắc yêu cầu các công ty phải công bố khí thải. Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồng Kông (HKEX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Australia (ASX) dự kiến sẽ triển khai các tiêu chuẩn báo cáo Scope 3 từ năm 2024 trở đi.

Vào năm 2023, Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB) đã phát hành IFRS S2, một tiêu chuẩn báo cáo khí thải tự nguyện đang ngày càng được các công ty trên toàn thế giới áp dụng. Mặc dù các công ty đã phản ứng với những quy định này, nhưng hiện tại vẫn chưa có quy định bắt buộc báo cáo Scope 3, mặc dù điều này sẽ thay đổi theo thời gian khi các sàn giao dịch chứng khoán châu Á khác như Sở Giao dịch Chứng khoán Thượng Hải (SSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Thâm Quyển (SZE), Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore (SGX) và Tập đoàn Sở Giao dịch Chứng khoán Nhật Bản (JPX) bắt đầu yêu cầu tuân thủ IFRS S2. Những diễn biến sắp tới này làm cho việc các công ty chuẩn bị để triển khai các kế hoạch này vào chiến lược dài hạn của họ trở nên cấp thiết.

Phần III: Những cân nhắc chính trong việc thiết lập các tiêu chuẩn ESG

Bối cảnh báo cáo ESG đã trở nên rộng lớn và phức tạp hơn trong hai thập kỷ qua do sự giám sát chặt chẽ từ các nhà quản lý và nhà đầu tư. Từ năm 2024 trở đi, với sự ra đời của Chỉ thị Báo cáo Hoạt động bền vững của Liên minh châu Âu (CSRD), gần 50.000 công ty trên toàn thế giới, cả trong và ngoài khối, sẽ phải tuân theo một số hình thức báo cáo ESG bắt buộc. Mặc dù biến đổi khí hậu là một vấn đề toàn cầu, nhưng thực tế là nhiều tiêu chuẩn báo cáo ESG được xác định theo địa lý, khiến việc thiết lập các tiêu chuẩn áp dụng xuyên biên giới và phạm vi pháp lý trở nên khó khăn. CSRD và IFRS S2 là những ví dụ về tiến bộ đang được thực hiện trên mặt trận này, nhưng vẫn có nhu cầu đáng kể về các tiêu chuẩn và hướng dẫn được thống nhất.

Phần IV: Các phương pháp đo lường khí thải Scope 3

Thực tiễn đo lường khí thải Scope 3 là một trong những thách thức lớn nhất đối với các công ty khi bắt đầu hành trình báo cáo ESG của mình. Phương pháp được lựa chọn bởi mỗi công ty có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, chẳng hạn như:

- Loại và chất lượng dữ liệu có sẵn mà công ty có thể dễ dàng truy cập,
- Ngành công nghiệp mà công ty hoạt động, vì một số lĩnh vực có thể có phương pháp hoặc yếu tố khí thải tiêu chuẩn cần được xem xét,
- Sự sẵn có của nguồn lực đủ để đáp ứng nhu cầu của các phương pháp khác nhau, so với mức độ chính xác mong muốn,
- Các mục tiêu và ưu tiên bền vững cụ thể.

Phần V: Bộ công cụ cho toàn tổ chức để xử lý khí thải Scope 3

Khi một công ty đã đặt ra các mục tiêu cần thiết và khung tương ứng để đo lường, đánh giá và theo dõi khí thải Scope 3 của mình, bước tiếp theo hướng tới việc giảm carbon sẽ yêu cầu những thay đổi có thể giảm thiểu sản xuất khí nhà kính trong toàn tổ chức.

Dưới đây là những thực hành tốt nhất trong ngành có thể giúp các công ty tập trung vào các chủ đề cụ thể:

Thiết lập quản trị ESG trong tổ chức:

- Thành lập một Ủy ban ESG
- Sử dụng các chỉ số KPI hoặc thẻ điểm về khí thải
- Liên kết tiến độ bền vững với các phần thưởng cho ban điều hành
- Thành lập các nhóm công tác hoặc nhóm làm việc liên quan đến khí hậu

Khi được khảo sát về các thực hành quản trị tốt nhất này, hầu hết các công ty ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương báo cáo rằng họ đã thiết lập một Hội đồng ESG (62%) chịu trách nhiệm giám sát các chiến lược liên quan đến khí hậu và hiệu suất môi trường cũng như báo cáo cho hội đồng quản trị. Các cơ quan này đã trở thành phần không thể thiếu trong nhiều tổ chức, phản ánh thái độ tương đối trưởng thành của khu vực đối với các vấn đề khí hậu như một rủi ro kinh doanh chính. Tuy nhiên, việc giám sát ở cấp hội đồng quản trị vẫn chưa hiện thực hóa dưới dạng nguồn lực chuyên trách, vì chỉ có 16% công ty đã thiết lập các nhóm công tác hoặc nhóm làm việc liên quan đến khí hậu.

Phần VI: Giao tiếp với chuỗi cung ứng

Mặc dù các tổ chức có thể áp dụng nhiều chiến lược khác nhau để giảm lượng khí nhà kính tổng thể của mình, việc xử lý khí thải Scope 3 phụ thuộc vào khả năng của họ trong việc giao tiếp với các bên liên quan trên toàn bộ chuỗi giá trị: nhà cung cấp, nhà phân phối và người tiêu dùng.

Một chiến lược tương tác mạnh mẽ với chuỗi cung ứng là cơ sở để thiết lập sự tin tưởng và các kênh giao tiếp cần thiết, giúp các công ty theo dõi chính xác khí thải Scope 3 và thực hiện các thay đổi cụ thể.

Các loại hình tương tác mà các công ty cần tham gia khác nhau tùy theo từng phân ngành, nhưng có một số chủ đề chung: minh bạch chuỗi giá trị, các động lực, xây dựng năng lực và quản trị hiệu quả. Dưới đây, chúng tôi khám phá các thực hành tốt nhất trong ngành để tương tác với các bên liên quan trong chuỗi cung ứng.

Kết luận

Khi các thách thức của hai thập kỷ tới trở nên rõ ràng hơn, nhiều sự phát triển sẽ thúc đẩy các công ty xem xét cách họ xử lý các mục tiêu Scope 3 của mình.

Nhiều công ty có thể nhận thấy rằng họ đang đảm nhận hai vai trò đồng thời là cả nhà cung cấp và khách hàng. Trong cả hai trường hợp, họ nên tìm kiếm khả năng đo lường và báo cáo khí thải của mình một cách chính xác và minh bạch, đặc biệt là khi các yêu cầu quy định mới và đang phát triển sẽ được triển khai trong những năm tới. Mặc dù có thể gây lo ngại, những thay đổi sắp tới cung cấp cho các công ty cơ hội tuyệt vời để đánh giá lại các chiến lược theo dõi và báo cáo khí thải của họ.

Ví dụ, để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về dấu vết carbon đã được xác minh, các công ty nên xây dựng các khả năng thu thập và phân tích dữ liệu mới để đánh giá cách thay đổi về nguyên liệu, nhà cung cấp hoặc địa điểm ảnh hưởng đến khí thải của sản phẩm. Mặc dù có thể gặp khó khăn, điều này cũng tạo cơ hội cho các công ty đầu tư vào số hóa doanh nghiệp thiết yếu, điều này có thể mang lại lợi ích vượt ra ngoài sự bền vững. Các khả năng dữ liệu tốt hơn cũng có thể cung cấp những hiểu biết quý giá về chuỗi cung ứng để cải thiện việc ra quyết định và chiến lược, cũng như những lợi thế đáng kể về danh tiếng.

Bằng cách tiếp cận các yêu cầu này như một cơ hội chiến lược, các tổ chức có thể đạt được những lợi thế về hoạt động và đảm bảo sự chuẩn bị cho các quy định công khai trong tương lai. Quan điểm này là nền tảng cho việc báo cáo các thực hành tốt nhất trong xuất sắc tổ chức và vận hành hiện đang được các công ty niêm yết hàng đầu trong khu vực áp dụng. Theo thời gian, ngày càng nhiều tổ chức sẽ mở rộng vào chuỗi giá trị của họ để hiểu được tác động toàn diện của hoạt động đối với khí nhà kính và đưa ra các quyết định chiến lược có thể thực sự ảnh hưởng đến xu hướng khí hậu toàn cầu và tương lai. Việc xử lý khí thải Scope 3 là một bước quan trọng hướng tới việc xây dựng giá trị bền vững lâu dài.

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của CSIS: Một bước tiến quan trọng: Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Hoa Kỳ - Việt Nam

Vào năm 2025, quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam sẽ đánh dấu hai dịp kỷ niệm quan trọng: 50 năm kể từ khi kết thúc Chiến tranh Việt Nam và 30 năm kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Những dịp kỷ niệm này phản ánh hành trình dài của Hoa Kỳ và Việt Nam hướng tới mối quan hệ song phương vững mạnh. Mối quan hệ đã đạt đến một cột mốc mới vào tháng 9 năm 2023 khi Tổng thống Joe Biden và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ, Nguyễn Phú Trọng, đã nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện—cấp cao nhất trong hệ thống ngoại giao của Việt Nam. Điều này đã làm rõ với mọi quan chức ở Việt Nam rằng lãnh đạo tập thể của quốc gia ưu tiên mối quan hệ song phương. Điều tương tự cũng đúng với các quan hệ đối tác chiến lược toàn diện mà Việt Nam vừa ký kết với Australia, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Không có lý do gì để nghĩ rằng bất kỳ nhà lãnh đạo nào trong tương lai ở Việt Nam lại muốn làm chậm đà phát triển của các mối quan hệ này.

Hợp tác Chiến lược trong bối cảnh Chuyển giao Chính trị

Việc Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng qua đời vào ngày 19 tháng 7 sau hơn một thập kỷ cầm quyền đánh dấu một giai đoạn chuyển giao chính trị sẽ tiếp tục ít nhất cho đến Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, dự kiến vào năm 2026. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam, bất kể lãnh đạo là ai, sẽ tiếp tục ưu tiên sự độc lập và chủ quyền của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc. Đây luôn là nền tảng của chiến lược Việt Nam. Điều đó có nghĩa là Hà Nội sẽ tiếp tục làm sâu sắc mối quan hệ với Hoa Kỳ đồng thời tìm kiếm các mối quan hệ ổn định và hiệu quả với Bắc Kinh khi có thể.

Cơ Hội Tăng Trưởng: Quan Hệ Kinh Tế Hoa Kỳ-Việt Nam

Sự phát triển kinh tế thần kỳ của Việt Nam là một câu chuyện thành công đáng chú ý. Kể từ khi khởi động các cải cách Đổi Mới vào năm 1986, các xu hướng toàn cầu thuận lợi và chính sách khôn ngoan đã dẫn đến sự phát triển nhanh chóng. Trong gần 40 năm qua, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng gấp sáu lần, từ 600 đô la lên 3.700 đô la. Tỷ lệ nghèo đã giảm từ 14% vào năm 2010 xuống 4,2% vào năm 2022. Lớp trung lưu đang phát triển nhanh chóng, môi trường chính trị ổn định và sẵn sàng tham gia các thỏa thuận kinh tế, bao gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (một phiên bản trước đó mà Hoa Kỳ đã rút lui) và Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì Thịnh vượng (mà Hoa Kỳ là một phần), đã khiến Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn cho các doanh nghiệp nước ngoài.

Quan Hệ Kinh Tế Hoa Kỳ-Việt Nam

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ vào năm 1995, Hoa Kỳ và Việt Nam đã trở thành các đối tác kinh tế mạnh mẽ. Hai nước đã ký một hiệp định thương mại song phương vào năm 2001, điều này đã dẫn đến việc Hoa Kỳ cấp cho Việt Nam trạng thái quốc gia được ưu đãi nhất và hỗ trợ Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới. Thương mại đã tăng trưởng mạnh mẽ trong hai thập kỷ qua. Thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam đạt 114,6 tỷ đô la vào năm 2022, một bước nhảy vọt lớn so với 2,9 tỷ đô la vào năm 2002. Hoa Kỳ là điểm đến xuất khẩu lớn nhất của hàng hóa Việt Nam, từ dệt may đến giày dép và điện tử. Vào năm 2022, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã cung cấp cho Việt Nam 142 triệu đô la viện trợ phát triển chính thức, bao gồm cả các dự án giải quyết các di sản của chiến tranh Việt Nam, chẳng hạn như khắc phục dioxin.

Sản Xuất Vi Mạch và Điện Tử

Việt Nam thường được coi là đối tác khả thi cho Hoa Kỳ và các đồng minh khi các doanh nghiệp tìm cách “giảm rủi ro” trong ngành công nghệ cao. Lực lượng lao động được đào tạo tốt và môi trường chính trị ổn định đã khiến Việt Nam trở thành sự thay thế hấp dẫn cho các công ty quan tâm đến việc chuyển địa điểm khỏi Trung Quốc. Việt Nam tham gia vào 16 hiệp định thương mại tự do, nhiều hơn các nước láng giềng, và cung cấp các ưu đãi thuế cho các dự án công nghệ cao. Việt Nam có chi phí lao động thấp và duy trì sản lượng học sinh có tay nghề ổn định. Chương trình Đối tác Cải cách Giáo dục Đại học của USAID đã cung cấp 14,2 triệu đô la để nâng cao giảng dạy, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại ba trường đại học quốc gia lớn nhất của Việt Nam. Hơn nữa, Hoa Kỳ đã cam kết 2 triệu đô la cho một sáng kiến chung giữa hai quốc gia để phát triển lực lượng lao động trong ngành vi mạch. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Việt Nam là mở rộng lực lượng lao động vi mạch gấp mười lần lên 50.000 kỹ sư vào năm 2030.

Năng lượng tái tạo

Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng không vào năm 2050 tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu năm 2021. Về mặt địa lý, Việt Nam rất thuận lợi để đạt được mục tiêu này: Quốc gia này sở hữu tiềm năng rất lớn cho năng lượng tái tạo. Từ năm 2018 đến năm 2022, sản xuất năng lượng tái tạo đã tăng gấp bốn mươi lần. Việt Nam cần tiếp tục phát triển lưới điện sạch để duy trì và mở rộng khả năng sản xuất của mình.

Khoáng sản thiết yếu

Các nguồn khoáng sản thiết yếu của Việt Nam cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị toàn cầu của chuỗi cung ứng. Các khoáng sản đất hiếm rất quan trọng trong việc sản xuất các thiết bị hiện đại, từ pin xe điện đến màn hình smartphone. Việt Nam có nguồn dự trữ khoáng sản đất hiếm lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Trung Quốc. Tìm kiếm cơ hội trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang được điều chỉnh, Việt Nam đang gia tăng khai thác đất hiếm một cách nhanh chóng. Vào năm 2022, Việt Nam sản xuất 4.300 tấn khoáng sản này so với chỉ 400 tấn vào năm 2021. Quốc gia này đặt mục tiêu chế biến 2 triệu tấn quặng đất hiếm và 60.000 tấn oxit đất hiếm vào năm 2030. Dưới sự bảo trợ của Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt-Mỹ, hai nước đã ký kết một thỏa thuận để tăng cường hợp tác kỹ thuật nhằm giúp Việt Nam cải thiện ngành công nghiệp đất hiếm của mình và thu hút đầu tư.

Những thách thức

Mặc dù Việt Nam đã thu hút sự chú ý và đầu tư quốc tế đáng kể, nhưng quốc gia này vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Những hạn chế về cơ sở hạ tầng đang khiến nhiều nhà đầu tư quan tâm phải suy nghĩ lại, đặc biệt là về khả năng cung cấp nước sạch và năng lượng—sự thiếu hụt năng lượng đã dẫn đến các sự cố mất điện không mong muốn ảnh hưởng đến nhiều hoạt động sản xuất nước ngoài vào năm 2023. Chính phủ quốc gia và địa phương nhận thức rõ sự cần thiết phải nâng cấp cơ sở hạ tầng lớn nhưng đã chậm trễ trong việc cấp phép và phân bổ quỹ cho các dự án lớn do chiến dịch chống tham nhũng hiện tại. Kết quả là, nhiều nhà đầu tư đang áp dụng phương pháp chờ đợi và quan sát cho đến khi họ có thể đánh giá tốt hơn về tương lai của các khoản đầu tư của mình.

Sau Cuộc Chiến: Tăng Cường Tinh Hữu Nghị Giữa Hoa Kỳ và Việt Nam

Với các kỷ niệm về sự kết thúc của cuộc chiến tranh Việt Nam và việc bình thường hóa quan hệ sắp đến, cùng với một quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đã được thiết lập, Hoa Kỳ và Việt Nam đã tăng cường nỗ lực để củng cố mối liên kết giữa hai nhân dân. Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam nên bao gồm việc gấp đôi nỗ lực để giải quyết các di sản lịch sử, làm sâu sắc thêm liên kết giữa Việt Nam và cộng đồng người Việt ở nước ngoài, cũng như mở rộng các trao đổi giáo dục. Cả ba lĩnh vực này đều rất quan trọng trong việc củng cố quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, tạo cơ hội cho người dân từ cả hai quốc gia hiểu về lịch sử phức tạp của cuộc chiến tranh và hòa giải giữa họ.

Di Sản Lịch Sử

Hoa Kỳ và Việt Nam đã ưu tiên việc giải quyết các di sản của chiến tranh. Vào tháng 4 năm 2023, USAID đã công bố một quan hệ đối tác với Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (WRM) tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ đối tác này bao gồm việc thêm một triển lãm vào WRM để giới thiệu nỗ lực của cả hai quốc gia nhằm vượt qua hậu quả của cuộc chiến tranh Việt Nam. Triển lãm lịch sử này đánh dấu lần đầu tiên chính phủ Hoa Kỳ có sự tham gia trực tiếp vào cách cuộc chiến được tưởng niệm tại Việt Nam. Trước đây, WRM đã phải đối mặt với nhiều chỉ trích vì thiếu một cái nhìn cân bằng, mô tả các lính Mỹ như những tội phạm trong khi bỏ qua những tội ác do lực lượng Bắc Việt thực hiện. Triển lãm hợp tác mới này sẽ giới thiệu cam kết chung của Hoa Kỳ và Việt Nam trong việc giải quyết các di sản chiến tranh dựa trên sự hiểu biết lẫn nhau và sự thừa nhận chân thành về lịch sử. Triển lãm dự kiến sẽ mở cửa vào năm 2025, kịp thời cho cả hai dịp kỷ niệm.

Cộng Đồng Người Việt

Sự kết thúc của cuộc chiến tranh Việt Nam đã kích thích một làn sóng di cư lớn của công dân Việt Nam sang Hoa Kỳ. Vào cuối cuộc chiến vào năm 1975, Hoa Kỳ đã di tản khoảng 125.000 công dân Việt Nam, nhiều người trong số họ có liên quan đến quân đội Hoa Kỳ và đối mặt với nguy cơ bị chính quyền cộng sản chiến thắng trả thù. Cuộc di tản này đánh dấu làn sóng đầu tiên của những người tị nạn Việt Nam nhập cư vào Hoa Kỳ. Một làn sóng thứ hai bắt đầu vào năm 1978 và kéo dài đến những năm 1980, khi nhiều người Việt Nam chạy bằng thuyền đến các quốc gia Đông Nam Á láng giềng và sau đó được tái định cư ở các quốc gia thứ ba. Hiện nay, khoảng 1,3 triệu người Việt Nam định cư tại Hoa Kỳ, và tổng số dân Việt kiều tại Mỹ lên đến hơn 2 triệu người.

Trao Đổi Giáo Dục

Hiện có khoảng 30.000 sinh viên Việt Nam đang học tập tại Hoa Kỳ, nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào khác ở Đông Nam Á. Chính phủ Hoa Kỳ đang khuyến khích các cơ sở giáo dục nhận thêm nhiều sinh viên Việt Nam trong những năm tới. Việt Nam cũng đã chào đón các trường đại học của Hoa Kỳ phát triển quan hệ đối tác với các cơ sở giáo dục Việt Nam và thậm chí mở các cơ sở đào tạo tại Việt Nam. Đại học Arizona nổi bật với chương trình hợp tác cùng Đại học Luật Hà Nội (HLU), cho phép sinh viên nhận bằng cử nhân luật từ HLU và bằng cử nhân nghệ thuật trong lĩnh vực luật từ Arizona chỉ trong bốn năm. Trong khi đó, Đại học Troy hiện đang hợp tác với Đại học Quốc gia Việt Nam, Đại học Bách Khoa Hà Nội, và Đại học Công nghệ Sài Gòn để cung cấp nhiều chương trình đại học tại Việt Nam.

Tương Lai Sáng Lạn của Quan Hệ Hoa Kỳ-Việt Nam

Mối quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam chỉ mới bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Những liên kết chính phủ giữa hai quốc gia đã tạo ra các mối quan hệ tổ chức sâu sắc hơn. Tình bạn song phương của họ có thể chịu đựng được những thay đổi trong chính quyền của mỗi quốc gia, bất chấp các môi trường chính trị trong nước của họ. Sự tham gia kinh tế tại Việt Nam đang phát triển ổn định trong bối cảnh các công ty phương Tây đang giảm thiểu rủi ro từ Trung Quốc. Trong các lĩnh vực sản xuất bán dẫn, năng lượng tái tạo và khoáng sản quan trọng, cùng nhiều lĩnh vực khác, có những cơ hội đáng kể cho quan hệ đối tác kinh tế Hoa Kỳ-Việt Nam.

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

